



Chủ biên
Ths. Nguyễn Thị Bích Diệp

Khảo sát mối quan hệ

giữa Nhà nước và các tổ chức phi lợi nhuận

vì mục tiêu bền vững tài chính

TỪ VIẾT TẮT	05
CÁC THUẬT NGỮ	06
BÁO CÁO TÓM TẮT	07
PHẦN I: TỔNG QUAN VỀ KHẢO SÁT	10
1.1. BỐI CẢNH	
1.2. MỤC ĐÍCH VÀ MỤC TIÊU CỦA KHẢO SÁT CSD	
PHẦN II: PHƯƠNG PHÁP KHẢO SÁT	11
2.1. CÁC TỔ CHỨC THAM GIA KHẢO SÁT	
2.2. TIẾN TRÌNH THỰC HIỆN KHẢO SÁT	
2.3. VẤN ĐỀ ĐẠO ĐỨC TRONG KHẢO SÁT	
2.4. GIỚI HẠN CỦA KHẢO SÁT	
PHẦN III: KHUNG LÝ THUYẾT	13
3.1. KHỐI CÁC TCXH	
3.2.KHUNG LÝ THUYẾT VÀ TIÊU CHÍ KHẢO SÁT NĂNG LỰC TỰ PHÁT TRIỂN CỦA TCXH	
PHẦN IV: TỔNG QUAN VỀ TCXH THAM GIA KHẢO SÁT	14
4.1. LOẠI HÌNH TỔ CHỨC	
4.2. ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG	
4.3. LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG CHÍNH YẾU	
4.4. ĐỐI TƯỢNG HƯỚNG LỢI CHÍNH YẾU VÀ SỐ LƯỢNG NGƯỜI HƯỚNG LỢI	
4.5. NHÂN LỰC	
4.6. NGÂN SÁCH	
4.7. TRANG THIẾT BỊ/ CƠ SỞ VẬT CHẤT	
TÓM TẮT PHÁT HIỆN QUA KHẢO SÁT	
PHẦN V: ĐỊNH VỊ MÔI TRƯỜNG PHÁP LÝ CHO TỔ CHỨC XÃ HỘI	19
5.1. TỔNG QUAN	
5.2. CÁC PHÁT HIỆN	
5.3. KẾT LUẬN VÀ TÓM TẮT CÁC THÁCH THỨC QUAN TRỌNG	
PHẦN VI: NĂNG LỰC NỘI TẠI TỔ CHỨC	23
6.1. TỔNG QUAN	
6.2. CÁC PHÁT HIỆN	
6.3. KẾT LUẬN VÀ TÓM TẮT CÁC THÁCH THỨC QUAN TRỌNG	
PHẦN VII: VAI TRÒ, HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ CÁC ĐÓNG GÓP CỦA TỔ CHỨC	27
7.1.TỔNG QUAN	
7.2. CÁC PHÁT HIỆN	
7.3. KẾT LUẬN	
PHẦN VIII: KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ	30
8.1. KẾT LUẬN	
8.2. KHUYẾN NGHỊ	

TỪ VIẾT TẮT

CBOs	Các tổ chức dựa vào cộng đồng
CPDE	Diễn đàn hợp tác CSOs vì Hiệu quả phát triển
CSD	Khả năng tự phát triển của CSOs
CSI	Chỉ số tự phát triển cho các tổ chức xã hội
CSA Việt Nam	Liên minh Hành động vì sự phát triển các tổ chức xã hội Việt Nam
CSO-TAI	Sáng kiến các tổ chức xã hội thúc đẩy minh bạch và trách nhiệm giải trình
Inspiring CSOs	Chương trình Truyền cảm hứng văn hoá thúc đẩy Minh bạch và Trách nhiệm giải trình cho các tổ chức xã hội
HĐQL	Hội đồng quản lý
Irish Aid	Cơ quan viện trợ Ai-len
MSD	Trung tâm nghiên cứu quản lý và phát triển bền vững
NGOs	Tổ chức phi chính phủ
ODA	Hỗ trợ pháp triển chính thức
RCD	Viện nghiên cứu và tư vấn phát triển
SDG	Mục tiêu phát triển bền vững
TAPA	Công cụ định vị mức độ thực hành minh bạch và trách nhiệm giải trình
TCXH	Tổ chức xã hội
VUSTA	Liên hiệp các hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam

CÁC THUẬT NGỮ

TRONG BÁO CÁO NGHIÊN CỨU NÀY CÁC THUẬT NGỮ ĐƯỢC HIỂU NHƯ SAU:

“Các tổ chức xã hội (TCXH)” được hiểu là các tổ chức do dân tự nguyện lập ra, không nằm trong hệ thống tổ chức bộ máy Nhà nước, được tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, dân chủ, tự chủ về tài chính, tự chịu trách nhiệm trước pháp luật, hoạt động vì mục đích phát triển và không vì mục tiêu lợi nhuận

“Tổ chức hội” được hiểu là tổ chức tự nguyện của công dân, tổ chức Việt Nam cùng ngành nghề, cùng sở thích, cùng giới, có chung mục đích tập hợp, đoàn kết hội viên, hoạt động thường xuyên, không vụ lợi, nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của hội, hội viên, của cộng đồng; hỗ trợ nhau hoạt động có hiệu quả, góp phần vào việc phát triển kinh tế - xã hội của đất nước

“Tổ chức Phi chính phủ (NGOs)” được hiểu là tổ chức được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cho phép thành lập hoặc công nhận, được lập ra theo sự tự nguyện của thể nhân hoặc pháp nhân, hoạt động theo nguyên tắc tự nguyện, tự quản, tự trang trải về tài chính. NGOs có mục tiêu hoạt động không vì tìm kiếm lợi nhuận để chia cho các thành viên tham gia trong tổ chức mà vì mục tiêu phát triển chung

“Tổ chức dựa vào cộng đồng (CBOs)” được hiểu là các tổ chức được thành lập bởi nhóm các cá nhân hoặc nhóm cộng đồng có chung sở thích hoặc các mối quan tâm cụ thể, được tập hợp để thực hiện các hoạt động vì mục tiêu phát triển. CBOs thường hoạt động ở quy mô nhỏ, gắn với cấp cơ sở và dựa trên tinh thần tình nguyện

“Minh bạch” được hiểu khả năng tiếp cận với các thông tin của công chúng một cách chính xác và kịp thời theo nguyên tắc của hiệu quả phát triển

“Trách nhiệm giải trình” được hiểu là trách nhiệm giải thích, chứng minh, biện minh với các bên liên quan về một vấn đề gì đó vì hiệu quả phát triển

“Hiệu quả phát triển” được hiểu là các tác động của các hoạt động vì mục tiêu phát triển, mang đến những thay đổi tích cực, bền vững đưa đến sự cải thiện về việc bất bình đẳng, đói nghèo và lệ thuộc trong xã hội

“Môi trường phát triển thuận lợi cho tổ chức xã hội” đề cập tới bối cảnh chính trị và chính sách của Chính phủ, các nhà tài trợ chính thức và các bên liên quan khác ảnh hưởng tới phương thức hoạt động của TCXH. Các tiêu chuẩn phát triển thuận lợi gồm: bộ tiêu chuẩn thực hành của chính phủ và nhà tài trợ về pháp lý, quy tắc ngân sách, thông tin, chính trị và các lĩnh vực văn hóa, hỗ trợ khả năng phát triển của TCXH, thúc đẩy sự tham gia và cam kết của TCXH trong tiến trình phát triển một cách hiệu quả và bền vững

“Tự phát triển” được hiểu là khả năng tự xác định và tự nâng cao, phát huy năng lực của tổ chức để phát triển hiệu quả hơn tận dụng cơ hội hoặc khắc phục các điểm yếu, vượt qua các thách thức

¹⁴ Theo định nghĩa của Diễn đàn hợp tác CSOs vì Hiệu quả phát triển (CPDE)

BÁO CÁO TÓM TẮT

Tự phát triển được hiểu là khả năng tự xác định và tự nâng cao, phát huy năng lực của tổ chức để phát triển hiệu quả hơn tận dụng cơ hội hoặc khắc phục các điểm yếu vượt qua các thách thức. Đối với TCXH, khả năng tự phát triển được coi là thiết yếu để xây dựng một khối các tổ chức xã hội đúng nghĩa, đáp ứng tinh thần “bốn tự” của TCXH bao gồm: tự nguyện, tự quản, tự chủ về tài chính và tự chịu trách nhiệm; đồng thời đáp ứng được các vai trò của TCXH là một đối tác phát triển đóng góp vào sự phát triển kinh tế, xã hội của đất nước trên con đường hội nhập quốc tế. Tuy nhiên, hiện nay chưa có một báo cáo bài bản nào về thực trạng phát triển cũng như khẳng định vai trò của TCXH. Chính vì thế, Liên minh hành động vì sự phát triển các tổ chức xã hội Việt Nam (CSA Việt Nam) phối hợp với Trung tâm Nghiên cứu quản lý và phát triển bền vững (MSD) xác định cần thực hiện các nghiên cứu mang tính chất bài bản, học thuật để khảo sát và đánh giá khả năng tự phát triển và vai trò, tầm ảnh hưởng của các TCXH Việt Nam tới sự phát triển kinh tế, xã hội của đất nước. Để tạo tiền đề cho việc thực hiện khảo sát toàn diện này dự kiến bắt đầu được thực hiện vào năm 2016, nhóm nghiên cứu thực hiện khảo sát nhanh về thực trạng khả năng tự phát triển của TCXH (CSD) nhằm xác định các phát hiện về khả năng tự phát triển của các tổ chức trên 03 khía cạnh: (i) môi trường pháp lý cho tự phát triển; (ii) năng lực nội tại cho tự phát triển của TCXH; và (iii) hiệu quả hoạt động của TCXH thông qua khả năng cung cấp dịch vụ và đóng góp xây dựng chính sách.

Trên tinh thần đó, khảo sát nhanh khả năng tự phát triển của TCXH năm 2015 được thực hiện với sự tham gia của 65 TCXH tham gia khảo sát trực tuyến, 70 đại diện TCXH ở cả ba miền Bắc - Trung - Nam tham gia tham vấn và 15 chuyên gia đến từ khối Nhà nước bao gồm các cơ quan hỗ trợ TCXH như: Quốc hội, Bộ Nội vụ; đại diện các tổ chức chính trị xã hội liên quan như Mặt trận tổ quốc, Liên hiệp hội Khoa học và kỹ thuật Việt Nam, đại diện các cơ quan nghiên cứu, trường đại học liên quan và đại diện của các tổ chức đối tác phát triển. Phần này tóm tắt các phát hiện chính sau khảo sát và các khuyến nghị chính từ phát hiện của khảo sát.

Tổng quan về TCXH tham gia khảo sát: Trong những năm gần đây TCXH đã phát triển nhanh, đa dạng hóa các loại hình, đặc biệt các tổ chức cộng đồng, các tổ chức tình nguyện (các tổ chức không pháp nhân) phát triển nhanh ở đều khắp cả 03 miền. Đây là điểm khác biệt do trước đây TCXH thường tập trung ở Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh và các khu vực có kinh tế, văn hóa, giao lưu phát triển). TCXH hoạt động trên mọi lĩnh vực đời sống xã hội, tập trung chủ yếu vào giải quyết vấn đề bức xúc của xã hội, cung cấp dịch vụ và hỗ trợ năng lực cho cộng đồng, đặc biệt là các nhóm yếu thế và bị kỳ thị thông qua các nỗ lực xóa đói giảm nghèo, chăm sóc sức khỏe, giáo dục, góp phần cùng Nhà nước khắc phục khiếm khuyết do phát triển kinh tế thị trường. TCXH bước đầu đã phát triển tốt, một số tổ chức hoạt động khá chuyên nghiệp, có số nhân viên lớn, huy động nguồn lực lớn cho phát triển (có nhiều tổ chức huy động nguồn lực khá lớn lên tới hàng chục tỷ đồng/năm. TCXH tiếp cận nhanh với công nghệ mới đặc biệt công nghệ thông tin để phục vụ cho các hoạt động của mình. Nhiều tổ chức bao gồm các tổ chức cộng đồng đã nhận được sự hỗ trợ của Nhà nước thông qua các hoạt động và còn được hỗ trợ trực tiếp làm việc. Điều này cho thấy các tổ chức cộng đồng hoạt động có hiệu quả phù hợp với lợi ích của đất nước cần phải khuyến khích.

Các phát hiện về khả năng tự phát triển của TCXH:

- Môi trường pháp lý: Môi trường pháp lý vẫn còn nhiều hạn chế, chưa khuyến khích khả năng tự phát triển cho TCXH, đặc biệt là về vấn đề thành lập và hoạt động. Tuy các văn bản pháp quy có quy định việc thành lập và hoạt động với một số loại hình cụ thể (như hội, tổ chức khoa học và công nghệ, bảo trợ xã hội, tư vấn pháp luật, v.v.) nhưng với nhu cầu phát triển nhanh và đa dạng của TCXH, các văn bản quy phạm chưa theo kịp và đáp ứng các nhu cầu đa dạng. Cụ thể, chưa có khung pháp lý cho các tổ chức dựa vào cộng đồng nên chưa có các hình thức hỗ trợ các tổ chức này phát triển. Còn đối với các tổ chức hội và NGOs, việc thành lập còn bị quy định vào một số loại hình, không có nhiều sự lựa chọn, thông tin cho thành lập, hoạt động và huy động nguồn lực còn chưa rõ ràng, thời gian thành lập tổ chức kéo dài, thông thường từ 6 tháng đến trên 1 năm và việc phải phê duyệt chương trình dự án với các quy định còn chồng chéo. Ngoài ra, TCXH cũng chưa được hưởng các ưu đãi về thuế hay giảm thuế, hoàn thuế do quy định chưa rõ ràng, khó thực hiện.

- Năng lực tổ chức: TCXH có năng lực tổ chức ở mức độ khả khi TCXH đã dần chuyển từ phát triển dựa trên chương trình dự án sang phát triển tổ chức dựa trên sứ mệnh với chiến lược và các kế hoạch cụ thể. Các công tác quản lý chương trình, tài chính, nhân sự được chú trọng và thực hành tốt minh bạch và trách nhiệm giải trình. Thách thức chủ yếu của TCXH là xây dựng Hội đồng quản lý hữu thực, phát huy đầy đủ vai trò, giúp tổ chức xây dựng và thực hiện chiến lược hiệu quả theo sứ mệnh, tuân thủ pháp luật. Ngoài ra, TCXH cũng gặp khó khăn trong việc duy trì đội ngũ nhân lực chất lượng cao, truyền thông xây dựng hình ảnh và thương hiệu tổ chức hiệu quả, và đa dạng các nguồn gây quỹ để đảm bảo sự bền vững tài chính cho tổ chức.

- Hiệu quả phát triển/ đóng góp của TCXH đạt mức độ khá tốt khi TCXH đã tham gia cung cấp dịch vụ hiệu quả đa dạng, đáp ứng khá nhu cầu của cộng đồng và bước đầu được ghi nhận bởi các bên liên quan. TCXH cũng tích cực tham gia vận động và đóng góp xây dựng chính sách tuy chưa phát huy được hết các tiềm năng của mình.

Các khuyến nghị chính rút ra từ phát hiện khả năng tự phát triển của TCXH bao gồm:

- TCXH cần tiếp tục nỗ lực vận động và đóng góp xây dựng chính sách đảm bảo môi trường pháp lý thuận lợi hơn cho sự phát triển của TCXH. Cụ thể tích cực và chủ động tham gia vận động chính sách cho các chính sách căn bản sẽ và đang được xây dựng liên quan tới môi trường pháp lý cho TCXH trong năm 2016 bao gồm Luật về Hội, Nghị định 93/2009/NĐ-CP về quản lý và sử dụng viện trợ phi chính phủ nước ngoài và Nghị định 38/2013/NĐ-CP về quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và nguồn vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ. TCXH cần theo sát quá trình và chủ động phối hợp chặt chẽ với Bộ kế hoạch đầu tư và các cơ quan chức năng liên quan để tư vấn, phản biện chính sách một cách hiệu quả, tháo gỡ các khó khăn của TCXH trong quá trình huy động, tiếp nhận và phê duyệt các dự án viện trợ phi chính phủ nước ngoài và ODA vốn là nguồn ngân sách chính của NGOs và CBOs.

- TCXH tập trung tăng cường hiệu quả hoạt động thông qua việc thúc đẩy quản trị tốt, thực hành tốt minh bạch và trách nhiệm giải trình trên cả 05 lĩnh vực: (i) quản trị tổ chức, (ii) quản lý chương trình, (iii) quản lý nhân sự, (iv) quản lý tài chính và (v) truyền thông và gây quỹ.

- Nhà nước cần tạo môi trường phát triển thuận lợi cho sự tự phát triển của TCXH thông qua việc xây

dụng Luật về Hội đáp ứng nhu cầu của TCXH như: (i) có quy định, thừa nhận về sự tồn tại và phát triển của các TCXH nói chung bao gồm các tổ chức có đăng ký pháp nhân và không pháp nhân; (ii) quy định thủ tục thành lập TCXH cần đơn giản, bỏ quy định về thành lập Ban vận động, rút ngắn thời gian đăng ký thành lập, mẫu biểu hóa hồ sơ thành lập: đơn đăng ký, điều lệ... Việc đăng ký được thực hiện một cửa như các doanh nghiệp. Không nên quy định: "Lĩnh vực hoạt động chính không trùng lặp với lĩnh vực hoạt động chính của hội đã được thành lập hợp pháp trước đó trong cùng phạm vi hoạt động" tránh tình trạng độc quyền; (iii) Quản lý nhà nước đối với TCXH nên tập trung vào một cơ quan để thống nhất trong cơ chế, chính sách chung cho TCXH, mặt khác để tăng cường trách nhiệm theo dõi, giám sát hoạt động, khắc phục tình trạng đùn đẩy về trách nhiệm.

- Nhà nước nên có chính sách chuyển giao dịch vụ công cho TCXH: hàng năm Nhà nước có chương trình để cho các tổ chức xã hội tham gia thông qua giao nhiệm vụ hoặc đấu thầu bình đẳng. Mặt khác nên có quy định tạo điều kiện để các TCXH huy động được nhiều nguồn lực từ xã hội và từ cộng đồng quốc tế, cần xem xét lại một số quy định về việc nhận tài trợ quốc tế và tài trợ ODA không hoàn lại theo hướng cởi mở hơn.

- Nhà nước nên có chính sách thuế phù hợp: Đối với các hoạt động không vì lợi nhuận nên có chính sách miễn giảm thuế, hoàn thuế đối với hoạt động phi lợi nhuận, đặc biệt các hoạt động từ thiện nhân đạo cứu trợ khẩn cấp để các tổ chức phát huy khả năng huy động nguồn lực trong xã hội. Nhà nước nên có chính sách thuế ưu đãi đối với các nhà tài trợ hỗ trợ cho các hoạt động phi lợi nhuận như: nếu hỗ trợ cho các hoạt động phi lợi nhuận thì được tính vào chi phí sản xuất...

- Các đối tác phát triển cần nghiên cứu nhu cầu phát triển của TCXH để xây dựng các chương trình hỗ trợ phù hợp về nâng cao năng lực và huy động nguồn lực phù hợp. Thông tin được chia sẻ công khai, minh bạch; hỗ trợ và chuyển giao các mô hình, kinh nghiệm quốc tế và tri thức về cung cấp dịch vụ và vận động chính sách hiệu quả cho TCXH; xây dựng các chương trình cụ thể tập trung vào đầu tư nâng cao năng lực cho TCXH dựa trên các đánh giá nhu cầu và đánh giá năng lực bài bản. Các chương trình đầu tư hỗ trợ cho khối TCXH bao gồm các hỗ trợ kỹ thuật và tài chính công bằng, không phân biệt đối xử cho TCXH, bao gồm cả các TCXH mới thành lập và CBOs. Có các nguồn đầu tư hỗ trợ cơ bản (core funding) cho các tổ chức phát triển hiệu quả dựa trên sứ mệnh và độc lập.

- Các đối tác phát triển định hướng, hỗ trợ tài chính và kỹ thuật cho TCXH phát triển phù hợp theo xu hướng và đóng góp cho các phong trào, chương trình quốc tế/toàn cầu thông qua:

- * Tăng cường năng lực và khả năng tiếp cận công nghệ thông tin cho các TCXH, đặc biệt với các TCXH hoạt động tại các khu vực vùng sâu vùng xa, nông thôn. Điều này nhằm góp phần thúc đẩy việc trao đổi thông tin, ý tưởng và học hỏi lẫn nhau đồng thời khuyến khích những sáng kiến cho các vấn đề cộng đồng phù hợp với phong tục, tập quán, văn hoá ở từng vùng địa lý, từng địa phương.
- * Tăng cường sự kết nối, tạo môi trường thúc đẩy minh bạch giải trình giữa các bên dựa trên nguyên tắc sở hữu, đối tác công bằng, và tôn trọng những khác biệt về văn hoá.
- * Tăng cường quan hệ hợp tác, phối hợp giữa khối TCXH tại Việt Nam và khối TCXH trên thế giới nhằm học hỏi, giao lưu và thúc đẩy tình đoàn kết hữu nghị toàn cầu được nêu trong SDGs.
- * Đảm bảo sự tham gia và đóng góp của TCXH trong các chương trình phát triển tại Việt Nam

PHẦN I

TỔNG QUAN VỀ KHẢO SÁT

1.1. BỐI CẢNH:

Các tổ chức xã hội) đã và đang đóng một vai trò quan trọng trong việc cung cấp các dịch vụ, đại diện cho tiếng nói của cộng đồng, vận động và tham gia trong quá trình phát triển đất nước. Tuy nhiên cho tới nay, chưa có nghiên cứu chính thức nào tập trung và chỉ ra được vai trò của TCXH Việt Nam trong quá trình tự phát triển, cũng như nhu cầu cần được hỗ trợ của TCXH để các tổ chức này có thể tận dụng cao năng lực, đóng góp hiệu quả, và được công nhận bởi các bên liên quan như Nhà nước, nhà tài trợ, đối tượng hưởng lợi, công chúng và cơ quan truyền thông, v.v.

Đặc biệt, trong giai đoạn 2015-2016, khi Luật về Hội đang trong quá trình xây dựng, đây là cơ hội để các TCXH chứng tỏ năng lực, khả năng đóng góp và tham gia của mình trong quá trình xây dựng chính sách. Theo chiến lược phát triển của mình, Liên minh hành động vì sự phát triển của các tổ chức xã hội Việt Nam (CSA Việt Nam) quyết định chọn cách mở rộng hướng tiếp cận nhằm vào việc vận động cho quá trình tự phát triển của TCXH thông qua việc thực hiện các nghiên cứu về vai trò của TCXH đóng góp cho sự phát triển kinh tế và xã hội của đất nước.

Để chuẩn bị cho nghiên cứu quan trọng này, CSA Việt Nam phối hợp với MSD tiến hành khảo sát cơ bản về năng lực tự phát triển của các TCXH tại Việt Nam nhằm xác định các phát hiện về khả năng tự phát triển của các tổ chức. Các phát hiện này giúp củng cố thông tin đầu vào về hiện trạng của TCXH, thử nghiệm, tạo tiền đề và căn cứ cho TCXH tự đánh giá và xây dựng hệ thống nghiên cứu khoa học về TCXH sau này. Đồng thời, dựa trên kết quả khảo sát, nhóm nghiên cứu cũng đưa ra các khuyến nghị để cải thiện năng lực tự phát triển cho TCXH.

1.2. MỤC ĐÍCH VÀ MỤC TIÊU CỦA KHẢO SÁT CSD:

- Khảo sát nhanh và trình bày các phát hiện về thực trạng khả năng tự phát triển của TCXH dựa trên 03 khía cạnh: môi trường pháp lý, năng lực nội tại tổ chức, và hiệu quả hoạt động/khả năng đóng góp
- Khuyến nghị các bên liên quan về thúc đẩy môi trường thuận lợi cho sự tự phát triển của TCXH tại Việt Nam

PHẦN II

PHƯƠNG PHÁP KHẢO SÁT

2.1. CÁC TỔ CHỨC THAM GIA KHẢO SÁT:

Các TCXH tham gia khảo sát được phân theo loại hình tổ chức bao gồm: các tổ chức hội, các tổ chức phi chính phủ (NGOs bao gồm các quỹ, tổ chức khoa học công nghệ, cơ sở bảo trợ xã hội); và các tổ chức của cộng đồng (CBOs gồm câu lạc bộ, nhóm tình nguyện, mái ấm, nhà mở, v.v.)². Nhóm nghiên cứu gửi thư và gọi điện cho các tổ chức để mời họ tham gia khảo sát. Danh sách các tổ chức này được lấy từ danh sách nội bộ của Trung tâm MSD và trong danh tập một số các tổ chức hội, liên hiệp hội và tổ chức phi chính phủ Việt Nam do Viện nghiên cứu xã hội (ISS) tổng hợp vào năm 2011 và danh tập các tổ chức hội hoạt động trên phạm vi toàn quốc của Viện nghiên cứu khoa học tổ chức nhà nước - Bộ nội vụ năm 2006. Số lượng các tổ chức tham gia trả lời bảng khảo sát là 65 tổ chức thuộc ba loại hình đã được đề cập ở trên. Ngoài ra, nhóm nghiên cứu cũng tham vấn đại diện của 70 TCXH tại Hà Nội, Huế, thành phố Hồ Chí Minh và 10 chuyên gia về TCXH để thu thập thêm thông tin và phản hồi của khảo sát.

2.2. TIẾN TRÌNH THỰC HIỆN KHẢO SÁT:

Chuyên gia tư vấn rà soát các tiêu chí và thiết kế bảng câu hỏi để khảo sát, xây dựng bảng câu hỏi trực tuyến³. Đồng thời, các chuyên gia tiến hành nghiên cứu các bằng chứng về thực trạng từ các tài liệu thứ cấp. Các thành viên nhóm nghiên cứu tiến hành khảo sát bằng bảng câu hỏi dưới hai hình thức: trực tiếp và trực tuyến với các TCXH. Trong một số trường hợp các tổ chức gặp hạn chế về tiếp cận công nghệ thông tin và các vấn đề kỹ thuật khác, nhóm nghiên cứu tiến hành phỏng vấn qua điện thoại. Các cuộc thảo luận nhóm tập trung dưới hình thức tham vấn với các TCXH tại 03 thành phố lớn là Hà Nội, Huế, Hồ Chí Minh. TCXH tham gia tham vấn rất đa dạng, hoạt động trong nhiều lĩnh vực bao gồm: Người khuyết tật, trẻ em, tài chính vi mô, nông nghiệp, môi trường, HIV/AIDS... Mục đích của những buổi này nhằm tìm hiểu sâu hơn về kết quả nghiên cứu sơ bộ dự kiến; đồng thời thu thập những đóng góp, kiến nghị. Một buổi tham vấn với chuyên gia nhằm xác nhận các nhận định và thu thập các khuyến nghị của các chuyên gia trong việc cải thiện nội dung báo cáo cũng như các kết luận và khuyến nghị từ kết quả của báo cáo khảo sát. Đại diện chuyên gia đến từ khối Nhà nước gồm nhiều cơ quan hỗ trợ TCXH như: Quốc hội, Bộ Nội vụ, Bộ Kế hoạch và Đầu tư; đại diện các tổ chức chính trị xã hội liên quan, Liên hiệp hội Khoa học và kỹ thuật Việt Nam, đại diện các cơ quan nghiên cứu, trường đại học liên quan và đại diện của các tổ chức đối tác phát triển. Tiếp theo nhóm nghiên cứu tổng hợp và viết báo cáo khảo sát, sau đó gửi tới các bên liên quan để tiếp tục nhận phản hồi.

² Định nghĩa về từng loại hình nằm trong phần Các thuật ngữ

³ Bảng hỏi nằm trong Phụ lục 2

2.3. VẤN ĐỀ ĐẠO ĐỨC TRONG KHẢO SÁT:

Trong khảo sát này, danh sách các tổ chức tham gia không được công bố. Các trích dẫn được sử dụng trong bảng báo cáo khảo sát sẽ được để ẩn danh.

Để đảm bảo tính chính xác trong việc thu thập dữ liệu, phân tích các tổ chức nên các thành viên đang là nhóm nghiên cứu sẽ không tham gia khảo sát.

Các kết quả và phân tích của khảo sát hoàn toàn dựa trên những ý kiến đưa ra từ các tổ chức trả lời câu hỏi với niềm tin rằng các tổ chức hoàn toàn trung thực với các câu trả lời của mình.

2.4. GIỚI HẠN CỦA KHẢO SÁT:

Việc sử dụng bản khảo sát trực tuyến có thể phần nào hạn chế sự tham gia của các tổ chức, đặc biệt là những tổ chức tại các khu vực nông thôn, vùng sâu vùng xa do hạn chế trong tiếp cận và năng lực sử dụng công nghệ thông tin.

Khảo sát nhanh được thực hiện với số mẫu hạn chế, giới hạn trong 3 loại hình TCXH theo phân loại kể trên. Do đó, khảo sát chưa mang tính chất đại diện cho cả khối TCXH Việt Nam. Tuy nhiên, chúng tôi hy vọng rằng, khảo sát này cũng phần nào phản ánh được tình hình hiện tại của các TCXH tại ba miền Bắc - Trung - Nam để có thể có hình dung cơ bản về khả năng tự phát triển của TCXH. Trong tương lai khi thực hiện khảo sát rộng về quy mô và vai trò/đóng góp của TCXH vào sự phát triển kinh tế, xã hội, hy vọng số lượng tổ chức tham gia khảo sát sẽ tăng thêm để đảm bảo tính chất đại diện cho toàn khối các TCXH.

PHẦN III

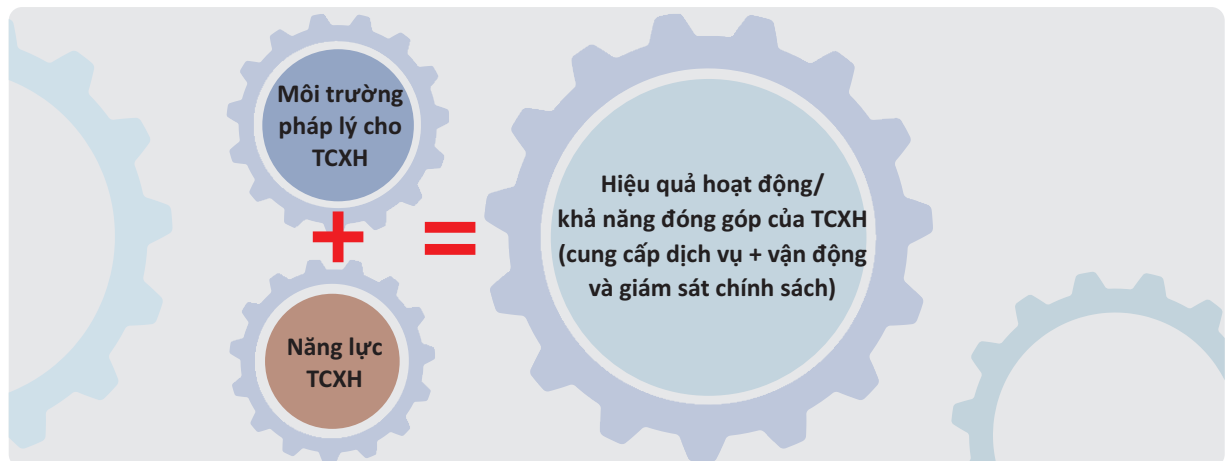
KHUNG LÝ THUYẾT

3.1. KHỐI CÁC TCXH:

Khối các TCXH được nhìn nhận như là một lực lượng đóng góp cho sự phát triển, là một đối tác trong việc giải quyết các vấn đề về đói nghèo và các vấn đề khác do các chương trình phát triển chủ yếu tập trung vào kinh tế tạo ra hoặc không thể giải quyết như: gia tăng sự bất bình đẳng giàu - nghèo, thu nhập, cơ hội tiếp cận, môi trường, phụ nữ. Khối các TCXH này góp phần đưa ra những giải pháp nhằm thúc đẩy đời sống của người dân tốt hơn, góp phần tạo sự thay đổi trong xã hội mà không nhằm đạt được quyền lực về mặt chính trị (Willis 2011⁴; Van Rooy 2002⁵; Veltmeyer 2012⁶).

3.2.KHUNG LÝ THUYẾT VÀ TIÊU CHÍ KHẢO SÁT NĂNG LỰC TỰ PHÁT TRIỂN CỦA TCXH:

Khảo sát năng lực tự phát triển của TCXH có thể được phân tích thông qua các yếu tố: (i) đầu vào môi trường pháp lý và năng lực nội tại của tổ chức; và (ii) đầu ra thực hiện hiệu quả vai trò trong đóng góp xây dựng đất nước.



Khung lý thuyết này giả định để có đầu ra là khả năng hoạt động hay hiệu quả đóng góp của TCXH sẽ phụ thuộc vào các yếu tố đầu vào bao gồm: môi trường phát triển cho TCXH (môi trường bên ngoài) và năng lực nội tại của TCXH (môi trường bên trong tổ chức).

Để định vị khả năng tự phát triển của TCXH và sự phụ thuộc của ba khía cạnh trên, khảo sát tập trung vào các tiêu chí sau:

Yếu tố đầu vào: Môi trường pháp lý cho tự phát triển: Để thúc đẩy khả năng tự phát triển hiệu quả và bền vững của TCXH, môi trường pháp lý cần đáp ứng các nhu cầu của TCXH. Bao gồm: (i) thành lập/đăng ký hoạt động của tổ chức; (ii) hoạt động tổ chức; (iii) huy động nguồn lực; và (iv) thuế

Yếu tố đầu vào: Năng lực nội tại tổ chức: Khối TCXH tự phát triển sẽ bao gồm các tổ chức TCXH hoạt động minh bạch, thực hiện trách nhiệm giải trình và được quản lý tốt. Bao gồm: (i) quản trị và quản lý; (ii) thực hiện chương trình; (iii) quản lý tài chính; (iv) quản lý nguồn nhân lực; và (v) truyền thông và gây quỹ

Yếu tố đầu ra: Vai trò và Hiệu quả hoạt động/khả năng đóng góp: Khu vực TCXH được coi là hoạt động hiệu quả khi nó có thể đóng góp vào sự phát triển của xã hội. Bao gồm: (i) cung cấp dịch vụ cho cộng đồng; và (ii) nỗ lực vận động chính sách hay còn gọi là tư vấn phản biện và đóng góp xây dựng chính sách.

⁴ Willis, K. (ed.) (2011) Theories and Practices of Development, London: Routledge.

⁵ Van Rooy, A. (2002) Strengthening civil society in developing countries. In Desai, V. and Potter, R. (eds) The companion to development studies, London: Arnold.

⁶ Veltmeyer, H. (2012) Civil society and development. In Haslam, P et al. (eds) Introduction to international development: Approach, actors and issues, 2nd edition, Oxford: Oxford University Press.

PHẦN IV

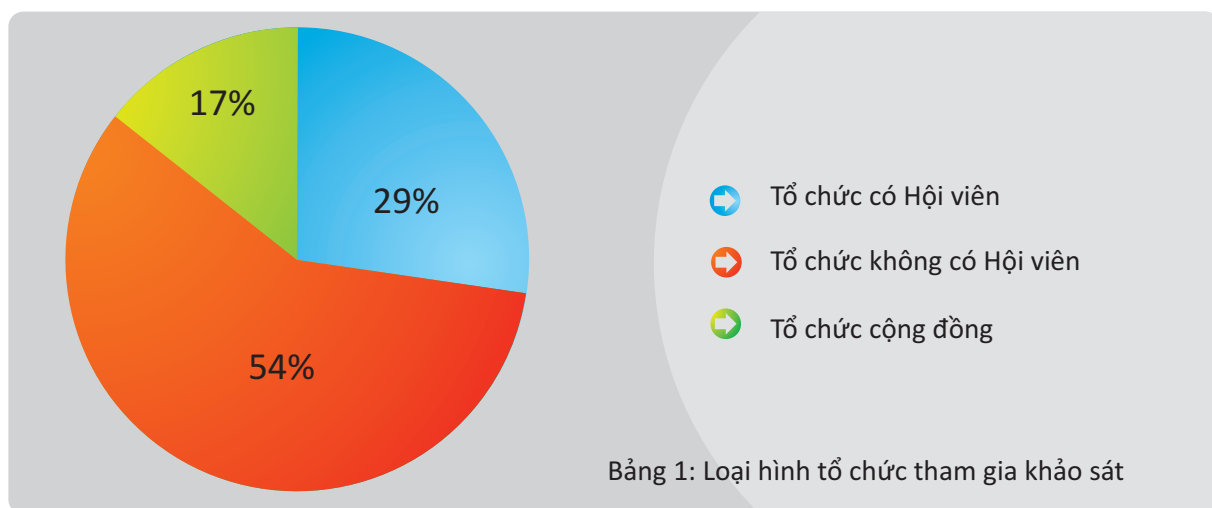
TỔNG QUAN VỀ TCXH THAM GIA KHẢO SÁT

Hiện chưa có nghiên cứu hay số liệu nào về tổng thể số lượng TCXH đang hoạt động tại Việt Nam, đặc biệt là số liệu phản ánh thực tế tình hình hoạt động của TCXH tại Việt Nam: số lượng các tổ chức có đăng ký/ không đăng ký, số lượng các tổ chức đang hoạt động tích cực/hoạt động cầm chừng trong 03 năm qua/ không hoạt động trong 03 năm qua, v.v. Theo số liệu tờ trình của Chính phủ năm 2014 cho thấy hội có khoảng hơn 52,565 Hội có hội viên (hay Hội quần chúng) hoạt động trên phạm vi cả nước từ cấp trung ương đến địa phương, đó là chưa kể các tổ chức cộng đồng. Ngoài ra, theo các báo cáo và ước tính khác, các tổ chức Hội không có hội viên (NGOs, Quỹ, Trung tâm ...) phát triển nhanh: khoảng gần 2,000 các tổ chức khoa học công nghệ, hàng ngàn các tổ chức quỹ xã hội, quỹ từ thiện, tổ chức bảo trợ xã hội, tổ chức tư vấn pháp luật, v.v. Việc thiếu hụt nghiên cứu và số liệu thống kê chính xác gây khó khăn trong việc xác định quy mô và mức độ phát triển của CSOs tại Việt Nam.

Phần tổng quan này phản ánh thực trạng về phát triển TCXH dựa trên thông tin cung cấp từ 65 tổ chức tham gia khảo sát.

4.1. LOẠI HÌNH TỔ CHỨC:

Trong 65 tổ chức tham gia khảo sát có 19 hội quần chúng tổ chức có hội viên, 35 tổ chức không có hội viên (bao gồm Quỹ, tổ chức khoa học công nghệ và cơ sở bảo trợ xã hội gọi chung là NGOs) và 11 tổ chức dựa vào cộng đồng (câu lạc bộ tình nguyện, tổ chức cộng đồng, v.v.)



Khảo sát cho thấy hiện nay ngoài các tổ chức có đăng ký pháp nhân xuất hiện nhiều loại hình các tổ chức chưa hoặc không đăng ký pháp nhân hoặc các tổ chức muốn đăng ký pháp nhân mà không được như các câu lạc bộ, mái ấm, nhà mở, các tổ chức tình nguyện đang hoạt động chủ động và cung cấp dịch vụ cho xã hội có hiệu quả. Đây là loại hình chưa được quy định trong luật, song rất cần nghiên cứu để có những quy định pháp lý nhằm quản lý và tạo điều kiện cho loại hình này phát triển hiệu quả.

4.2. ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG

Các tổ chức hoạt động mạnh ở cả 03 miền Bắc - Trung - Nam, trong đó có hơn 20% số tổ chức tham gia khảo sát có hoạt động trải rộng hơn 01 miền hoặc có địa bàn hoạt động trong cả nước. Đặc biệt, hiện có nhiều các tổ chức hoạt động tại miền Trung là địa bàn theo nghiên cứu, trước đây là khu vực có rất ít TCXH hoạt động. Khảo sát còn cho thấy, các tổ chức có trụ sở tại miền Bắc có xu hướng có địa bàn hoạt động rộng hơn giới hạn ở miền Bắc, có thể vươn tới cả miền Trung và miền Nam hoặc hoạt động trên địa bàn cả nước; trong khi đó các tổ chức có trụ sở tại miền Trung và miền Nam thường chỉ hoạt động trong khu vực vùng miền tổ chức đặt trụ sở.

4.3. LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG CHÍNH YẾU

Lĩnh vực hoạt động dựa trên chuyên ngành cho thấy các tổ chức hoạt động rất đa dạng trên nhiều lĩnh vực hoạt động khác nhau.

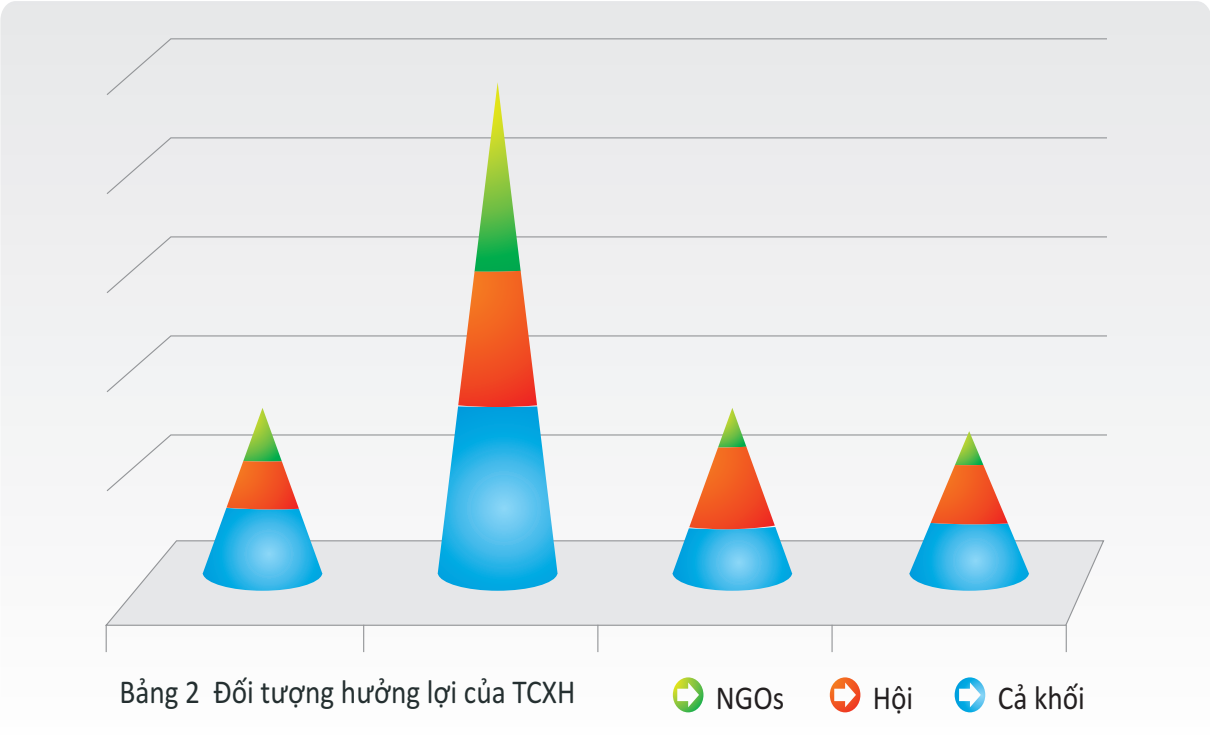
Lĩnh vực ưu tiên chính yếu thứ nhất của các tổ chức cho thấy xu hướng tập trung vào vấn đề sức khỏe (15.3%), xoá đói giảm nghèo (10%) và biến đổi khí hậu. Lĩnh vực hoạt động chính yếu thứ hai của tổ chức ghi nhận các lĩnh vực liên quan đến quyền như: Giới, Dân chủ và quyền con người, .v.v. Đây là những lĩnh vực mới xuất hiện gần đây, thể hiện xu hướng phát triển của các tổ chức chuyển từ cung cấp dịch vụ và hỗ trợ năng lực sang các lĩnh vực hỗ trợ phát triển dựa trên quyền và vận động chính sách.

Thống kê khảo sát về lĩnh vực hoạt động của tổ chức phân theo loại hình dịch vụ cho thấy lĩnh vực hoạt động của TCXH cũng trùng khớp với nhận định trên khi các tổ chức hoạt động đa dạng trên cả 03 lĩnh vực cung cấp dịch vụ, hỗ trợ năng lực và hỗ trợ phát triển. Sự ưu tiên về lĩnh vực hoạt động theo loại hình tổ chức là khá rõ ràng. Với các tổ chức hội, hoạt động hỗ trợ phát triển và vận động chính sách là ưu tiên số một chiếm tỷ lệ cao: 47,4%, trong khi chỉ có 14,3% NGOs quan tâm đến hoạt động này và 9,1% là ở các CBOs. Ngược lại, cung cấp dịch vụ và hỗ trợ năng lực cho cộng đồng lại là hoạt động chủ yếu của NGOs, đều là 37,1%, còn con số tương ứng của hội là 21,1% và 31,6%. CBOs tập trung chủ yếu vào cung cấp dịch vụ với 72,7%.

Sự đa dạng của các tổ chức trong việc cung cấp các dịch vụ thuộc chuyên ngành và loại hình dịch vụ cho thấy sự phát triển năng động và trên diện rộng của TCXH trong việc tham gia vào công tác phát triển, xu hướng mở rộng hoạt động từ lĩnh vực cung cấp dịch vụ và nâng cao năng lực sang hỗ trợ phát triển. Tuy nhiên, mặt khác cũng cho thấy sự dàn trải và ít chuyên môn hoá của các TCXH khi một TCXH làm việc trên rất nhiều các lĩnh vực hoạt động khác nhau.

4.4. ĐỐI TƯỢNG HƯỞNG LỢI CHÍNH YẾU VÀ SỐ LƯỢNG NGƯỜI HƯỞNG LỢI:

TCXH hoạt động trên nhiều lĩnh vực khác nhau, do đó đối tượng hưởng lợi từ hoạt động của TCXH cũng rất đa dạng, nhưng tập trung chủ yếu vào nhóm yếu thế, dễ bị tổn thương như phụ nữ, trẻ em, người nghèo, người khuyết tật, dân tộc thiểu số, .v.v.(chiếm 72%). Các nhóm dễ bị kỳ thị (HIV/AIDS, mại dâm, LGBT, v.v.) có vẻ là một nhóm đối tượng hưởng lợi mới được các TCXH quan tâm hỗ trợ gần đây (có thể hiện nay nhiều chương trình của các tổ chức quốc tế đang hướng tới hỗ trợ cho các đối tượng này). Trong khi đó, số tổ chức quan tâm tới việc hỗ trợ các tổ chức xã hội hay doanh nghiệp còn khá ít.



Về số lượng người hưởng lợi, chỉ 44% số tổ chức (29 tổ chức) tham gia khảo sát có theo dõi và thống kê số lượng người hưởng lợi trong đó số lượng người hưởng lợi trực tiếp được thống kê là 5,184 người và gián tiếp là 6,119 người. Như vậy, trung bình một TCXH có thể tiếp cận và mang lại lợi ích trực tiếp cho 178 người hưởng lợi - Đây là một con số khá ấn tượng.

4.5. NHÂN LỰC

Về quy mô nhân viên của TCXH: Số lượng nhân viên chính thức trung bình của Hội và NGOs tham gia khảo sát là 10-11 người. Đây cũng là một quy mô phổ biến và điển hình của các tổ chức có tư cách pháp nhân, trong khi đó quy mô của CBOs nhỏ hơn chỉ khoảng 4-5 nhân viên chính thức. Về số lượng nhân viên bán thời gian và tình nguyện viên, các Hội chiếm số lượng áp đảo khi trung bình 6-7 nhân viên bán thời gian khác và tới 62 tình nguyện viên; trong khi đó, số lượng nhân viên bán thời gian của NGOs và CBOs không quá 3 người và tình nguyện viên dưới 10 người.

Về số lượng nam, nữ nhân viên: TCXH sử dụng nhiều nhân viên nữ; trong đó, NGOs có xu hướng sử dụng nhiều nhân viên nữ hơn các Hội và CBOs. Các tổ chức cũng có sử dụng nhân lực là những người thuộc nhóm bị kỳ thị hoặc nhóm dễ bị tổn thương. NGOs và CBOs cũng sử dụng các nhân lực nước ngoài cho các hoạt động của mình.

Về trình độ nhân lực: Đa phần nhân lực của NGOs, Hội có bằng cử nhân trở lên và CBOs chủ yếu nhân lực có trình độ dưới đại học. Điều này là dễ hiểu khi đa phần nhân sự CBOs tham gia khảo sát là các bạn sinh viên, tình nguyện viên có tuổi đời còn khá trẻ và chưa tốt nghiệp đại học. Với trình độ nhân lực này cũng khiến CBOs khó khăn trong việc thành lập tư cách pháp nhân khi tiêu chuẩn nhân sự cho việc thành lập thường đòi hỏi trình độ nhân sự từ cử nhân trở lên.

Về độ tuổi: Tuổi trung bình của người lãnh đạo của hội là 62 trong khi của các NGOs là 48 và CBOs là 31 kết quả này thể hiện đúng bản chất của các tổ chức. Thông thường, các hội được lãnh đạo bởi các cán bộ về hưu, trong khi NGOs do những người có độ tuổi vừa độ “chín” và các CBOs được lãnh đạo bởi những người ở độ tuổi thanh niên. Tương ứng, loại hình hội cũng có tuổi cao nhất và thấp nhất của nhân viên cao hơn so với NGOs và trẻ trung nhất là đội ngũ của CBOs. Nếu độ tuổi của lãnh đạo và nhân viên được coi là một yếu tố ảnh hưởng đến sự năng động của các tổ chức thì kết quả khảo sát này cho thấy rất rõ nét về sự năng động của 03 loại hình tổ chức dưới ảnh hưởng tuổi tác của 03 thế hệ thanh niên, trung niên và lão niên.

2.6. NGÂN SÁCH

Ngân sách của tổ chức cũng thể hiện sự tác động của TCXH tới sự phát triển của đất nước do ngân sách này được giải ngân tại cộng đồng để phục vụ công tác phát triển của TCXH. Tuy nhiên, do đây là chủ đề mang tính nhạy cảm nên số liệu thu thập chỉ mang tính chất tương đối với chỉ có 33/65 tổ chức trả lời khảo sát. Theo kết quả khảo sát của 33 tổ chức cho thấy ngân sách của các tổ chức dao động từ dưới 500 triệu đồng cho tới có tổ chức đạt vài chục tỷ VND. Do đó trong khảo sát này nếu chia ngân sách trung bình của NGOs năm 2014 lên tới gần 4,3 tỷ đồng gấp 4 lần thu nhập của các Hội (gần 1,1 tỷ đồng) và hàng chục lần của các CBOs (88 triệu đồng). Số liệu trên cho thấy rõ khả năng năng động của NGOs trong việc huy động kinh phí so với các Hội và CBOs.

Về nguồn ngân sách, chủ yếu NGOs và CBOs huy động kinh phí từ các nguồn quốc tế trong khi nguồn ngân sách chính của các Hội đến từ các nguồn trong nước. Điều đặc biệt là kết quả khảo sát cho thấy các TCXH có tư cách pháp nhân bao gồm Hội và NGOs đã nhận được nguồn ngân sách của Nhà nước hoặc làm dịch vụ cho NNhà nước, điều này chứng tỏ rằng Nhà nước đang chuyển dần các dịch vụ công cho các tổ chức TCXH thực hiện.

2.7. TRANG THIẾT BỊ/ CƠ SỞ VẬT CHẤT

Về cơ sở vật chất, điều đáng mừng là cho tới nay, theo khảo sát, hầu hết các TCXH đều có sử dụng internet; tuy nhiên, đây cũng là một giới hạn của nghiên cứu do khảo sát được thực hiện đa phần trên nền tảng trực tuyến nên có xu hướng các tổ chức sử dụng internet sẽ tham gia khảo sát.

Về trụ sở: có 23,6% TCXH được Nhà nước cấp, cho mượn hoặc cho thuê với giá rẻ, số này tập trung vào các hội (52,6%). Chỉ có 5% NGOs và 1% CBOs có sự hỗ trợ trụ sở từ Nhà nước. NGOs chủ yếu thuê trên thị trường (60%), sử dụng nhà cá nhân (20%). CBOs cũng thường thuê trên thị trường (45,5%) hoặc sử dụng nhà cá nhân (36,4%) là chủ yếu.

Cũng chỉ có duy nhất một hội tham gia khảo sát nhận được sự hỗ trợ của Nhà nước về trang thiết bị cơ sở vật chất, còn 100% NGOs và CBOs tham gia khảo sát thì đều tự mua sắm hoặc có các chương trình dự án quốc tế hỗ trợ mua sắm trang thiết bị cơ sở vật chất cho tổ chức.

Kết quả khảo sát này cũng cho thấy ưu đãi của nhà nước cho các Hội hơn hẳn so với NGOs và CBOs.

TÓM TẮT PHÁT HIỆN QUA KHẢO SÁT:

* Trong những năm gần đây TCXH đã phát triển nhanh về số lượng, đa dạng hóa các loại hình, đặc biệt các tổ chức cộng đồng, các tổ chức tình nguyện (các tổ chức không pháp nhân) phát triển nhanh ở đều khắp cả 03 miền. Đây là điểm khác biệt do trước đây TCXH thường tập trung ở Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh và các khu vực có kinh tế, văn hóa, giao lưu phát triển.

* TCXH hoạt động trên mọi lĩnh vực đời sống xã hội, tập trung chủ yếu vào giải quyết vấn đề bức xúc của xã hội, cung cấp dịch vụ và hỗ trợ năng lực cho cộng đồng, đặc biệt là các nhóm yếu thế và bị kỳ thị thông qua các nỗ lực xóa đói giảm nghèo, chăm sóc sức khỏe, giáo dục, góp phần cùng Nhà nước khắc phục khiếm khuyết của phát triển kinh tế thị trường TCXH bước đầu đã phát triển tốt, một số tổ chức hoạt động khá chuyên nghiệp, có số lượng nhân viên lớn, huy động nguồn lực lớn cho phát triển (có nhiều tổ chức huy động nguồn lực khá lớn lên tới hàng chục tỷ đồng/năm). Nhiều TCXH đã và đang huy động được ngân sách của Nhà nước thông qua việc được Nhà nước giao hoặc tham gia chương trình phát triển kinh tế xã hội hoặc nghiên cứu các vấn đề xã hội đặt ra TCXH tiếp cận nhanh với công nghệ mới, đặc biệt công nghệ thông tin để phục vụ cho các hoạt động của mình. Nhiều tổ chức không chỉ tranh thủ được sự hỗ trợ của Nhà nước thông qua các hoạt động mà còn tranh thủ được hỗ trợ trụ sở. Điểm đặc biệt phát hiện qua khảo sát là một số tổ chức cộng đồng (là tổ chức không pháp nhân) cũng được cơ quan nhà nước hỗ trợ trụ sở. Điều này cho thấy các tổ chức cộng đồng hoạt động có hiệu quả phù hợp với lợi ích của đất nước cần được khuyến khích.

PHẦN V

ĐỊNH VỊ MÔI TRƯỜNG PHÁP LÝ CHO TỔ CHỨC XÃ HỘI

5.1. TỔNG QUAN:

Ở Việt Nam văn bản điều chỉnh TCXH nằm ở nhiều quy định khác nhau, thường các loại hình được điều chỉnh bằng Nghị định của Chính phủ: Hội là: Nghị định 45/NĐ-CP/2010 về tổ chức, hoạt động hội; Quỹ là: Nghị định 30/2012/NĐ-CP của chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động của quỹ xã hội, quỹ từ thiện; Tổ chức Khoa học và Công nghệ là: Nghị định 08/2014/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoa học và công nghệ; tổ chức Bảo trợ xã hội là: Nghị định 68/2008/NĐ-CP ngày 30/5/2008 quy định về điều kiện, thủ tục thành lập, tổ chức, hoạt động và giải thể cơ sở bảo trợ xã hội; tổ chức Tư vấn pháp luật là: Nghị định 77/2008/NĐ-CP của Chính phủ về tổ chức, hoạt động tư vấn pháp luật. Tuy nhiên, khi liệt kê ra các văn bản pháp quy định về việc thành lập và hoạt động cho TCXH thì chưa có văn bản nào hướng dẫn việc thành lập, hoặc công nhận sự tồn tại của loại hình tổ chức cộng đồng. Song các tổ chức này vẫn được hoạt động và ít bị ngăn cấm. Theo đánh giá chung các tổ chức này đến nay hoạt động có hiệu quả, hỗ trợ rất thiết thực cho người dân, đặc biệt là những người chịu thiệt thòi và yếu thế.

Việc thành lập và hoạt động cũng như chính sách đối với TCXH đã được quy định khá rõ trong các văn bản. Tuy nhiên, qua nghiên cứu thấy: Các văn bản quản lý TCXH thường chỉ quy định một loại hình cụ thể như: khoa học công nghệ, bảo trợ xã hội, tư vấn pháp luật, song TCXH hoạt động rất đa dạng nên các văn bản hiện có chưa đáp ứng yêu cầu của xã hội. Kinh nghiệm từ các nước trên thế giới thì thường quy về loại hình hội có hội viên và hội không có hội viên là quỹ hoặc là tổ chức phi chính phủ.

Để thúc đẩy khả năng tự phát triển hiệu quả và bền vững của TCXH, môi trường pháp lý cần đáp ứng các nhu cầu của TCXH. Môi trường pháp lý nên tạo điều kiện cho các TCXH non trẻ, bảo đảm sự tự chủ, tự quản lý hơn, bằng cách cung cấp cho TCXH cơ sở pháp lý cần thiết để tham gia vào các hoạt động gây quỹ phù hợp và thu nhập sản xuất hợp pháp. Các yếu tố hình thành môi trường pháp lý bao gồm sự "cởi mở" hỗ trợ về (i) đăng ký; (ii) hoạt động; (iii) tiếp cận nguồn lực; và (iv) thuế. Kết quả khảo sát và kết quả tham vấn đưa ra các nhận định/ phát hiện sau về sự "cởi mở" của môi trường pháp lý cho khả năng tự phát triển của các TCXH.

5.2. CÁC PHÁT HIỆN

5.2.1. Thành lập tổ chức

Trong các văn bản đã được ban hành quy định khá rõ quy trình thành lập/đăng ký và được đánh giá là rõ ràng với từng loại hình tổ chức. Đánh giá về sự tiện lợi, trên 50% NGOs và 80% các Hội đánh giá việc đăng ký thành lập là tiện lợi hoặc rất tiện lợi.

Điều này khá mâu thuẫn với thời gian thành lập tổ chức với đa số các tổ chức là trên 1 năm (47% với NGOs và 43% với các Hội) trong khi quy định chỉ không quá 60 ngày. Kết quả này cho thấy TCXH đã quá quen với việc mất tới cả năm để thành lập tổ chức nên cho việc đó là bình thường.

Tham vấn sâu về thực trạng thành lập TCXH cho thấy việc thành lập hội khá đồng đều ở các tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương, song có lẽ do quan niệm các tổ chức này là loại hình nhạy cảm nên nhiều địa phương e ngại việc cho phép thành lập. Tuy nhiên, xuất phát từ nhu cầu của người dân và thực tiễn của cuộc sống một số tổ chức mang tính chất hội được thành lập do phòng quản lý nghiệp vụ của cấp huyện thành lập hoặc có khi do tổ chức hội cấp trên lập ra những loại này không được quy định trong luật pháp.

Đối với các NGOs, việc thành lập tuy được quy định trong nhiều văn bản khác nhau, song vẫn còn nhiều vấn đề đáng bàn. Hiện việc thành lập các tổ chức khoa học công nghệ (KH&CN) thuận lợi chủ yếu là ở Hà Nội và thành phố Hồ Chí Minh, còn đối với những tổ chức ở địa phương khác thường gặp khó khăn nên thường phải về Hà Nội thông qua VUSTA để thành lập. Chính vì vậy cho đến nay có khoảng 500 tổ chức đã được thành lập dưới sự bảo trợ của VUSTA. Hiện nay, theo thống kê, có khoảng 1800 tổ chức KH&CN ngoài Nhà nước đã được thành lập. Song qua khảo sát cho thấy nhiều tổ chức phải “đội mũ”

“Chúng tôi chỉ mong muốn hoạt động trong lĩnh vực nuôi dưỡng trẻ em khó khăn, nhưng nếu thành lập theo bảo trợ xã hội thì không đủ tiêu chuẩn quy định, do đó để được thành lập dưới loại hình KH&CN thì phải thêm chức năng nghiên cứu và tổ chức các hội thảo về khoa học nuôi dưỡng trẻ em, v.v.”(CS012)

Mặt khác, hiện rất nhiều loại hình TCXH mới xuất hiện: tổ chức tự lực của người khuyết tật, tổ chức tình nguyện, các tổ chức từ thiện nhân đạo, nhưng chưa có văn bản nào quy định khiến cho nhiều tổ chức muốn đăng ký hoạt động mà không được chấp nhận. Chính vì vậy khi khảo sát thấy nhiều loại tổ chức do các hội đứng ra thành lập được, cơ quan công an đồng ý cho sử dụng con dấu hình bầu dục, điều mà không có văn bản nào quy định

Việc thành lập thường phải qua nhiều lần xét duyệt, sửa chữa, điều này phản ánh thực tế là việc có được giấy phép thành lập/ đăng ký hoạt động lên tới hàng năm trời và trong giấy phép thành lập/ đăng ký hoạt động phải thay đổi, sửa chữa theo ý của cơ quan đăng ký.

Một tổ chức tham gia khảo sát cho biết, trong quá trình đăng ký thành lập hoặc giấy phép hoạt động, tổ chức “phải sửa lại tên gọi vài lần, kéo dài thêm thời gian gần 4 tháng” (CS01).

5.2.2. Hoạt động tổ chức

Theo kết quả khảo sát, có 28/65 tổ chức (43%) trả lời không gặp khó khăn về môi trường pháp lý trong hoạt động của tổ chức. Số tổ chức khẳng định là môi trường pháp lý có gây khó khăn là 26 tổ chức (40%), nếu tính cả số tổ chức “khó trả lời” và không đưa ra ý kiến thì con số này chiếm tới 57%. Các khó khăn chủ yếu đến từ việc:

- Dự án chương trình của tổ chức đã được phê duyệt, nhưng khi hoạt động ở các nơi khác nhau lại phải xin phép chính quyền ở nơi triển khai dự án. Việc phê duyệt dự án khó khăn do quy định phải xin ý kiến nhiều cơ quan dẫn tới thời gian phê duyệt kéo dài nhiều khi mất cơ hội của tổ chức

“Không được hướng dẫn về khai báo thuế, được trả lời là mô hình trung tâm lạ, không thuộc dạng nào”(CS06).

Chính bản thân một số tổ chức không chủ động làm thủ tục miễn thuế, khấu trừ thuế hoặc hoàn thuế vì “các khoản hoàn thuế quá nhỏ, tổ chức nghĩ rằng công và chi phí đi hoàn thuế cao hơn”(CS07). Hay khi tổ chức “chưa nắm rõ quy trình cách thức để hoàn thuế”(CS08), hay do “dự án không yêu cầu”(CS09), “các nhà tài trợ chấp nhận các khoản thuế là một phần chi phí cho dự án”(CS10).

5.3. KẾT LUẬN VÀ TÓM TẮT CÁC THÁCH THỨC QUAN TRỌNG

Môi trường pháp lý cho TCXH đang trên bước đường hoàn thiện, song trong quá trình này có một số hạn chế:

Quan niệm về TCXH và vai trò của nó trong phát triển còn hạn chế, có ý kiến cho rằng tổ chức này “nhảy cảm”, do đó việc thành lập còn có khó khăn nhất định. Tuy có quy trình thành lập cụ thể nhưng việc thực hiện quy trình chưa được nhất quán. Trong khi xét duyệt hồ sơ thành lập có thể bị cơ quan quản lý áp đặt việc sửa chữa về chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực hoạt động, địa bàn địa lý, tên gọi, v.v. Thời gian thành lập có thể kéo dài từ trên 06 tháng tới hơn 01 năm

Các văn bản pháp quy về TCXH có bị chi phối phạm vi điều chỉnh theo từng loại hình (khoa học và công nghệ, bảo trợ xã hội, tư vấn pháp luật) nhưng các loại hình TCXH hết sức đa dạng, do đó các văn bản đã ban hành chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển và các loại hình đa dạng của TCXH

Các tổ chức cộng đồng: Do chúng ta quan niệm đây chỉ là tổ chức thăm hỏi, trao đổi tình cảm không cần phải điều chỉnh, điều này khiến cho các tổ chức phát triển, các tổ chức cộng đồng, các tổ chức tình nguyện rất khó khăn trong việc đăng ký hoạt động

Trong những năm qua Nhà nước bắt đầu tạo điều kiện cho các TCXH hoạt động như: tạo điều kiện cho các tổ chức tiếp cận nguồn lực; đã có văn bản pháp quy tạo điều kiện cho các TCXH nhận tài trợ của quốc tế, đặc biệt là viện trợ ODA không hoàn lại là bước tiến đáng ghi nhận. Song về thủ tục chưa có hướng dẫn thống nhất dẫn đến việc xin phép nhiều lần, ví dụ: dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt, song khi thực hiện lại phải xin phép chính quyền nơi triển khai dự án

Các vấn đề về ưu đãi thuế, giảm thuế, hoàn thuế cho TCXH chưa được quy định rõ ràng, khó thực hiện

“Tổ chức dù đã phê duyệt cả dự án theo Nghị định 93⁷ nhưng khi tổ chức mỗi hoạt động tập huấn, hội thảo trong khuôn khổ dự án lại phải tiếp tục xin phép phê duyệt theo Quyết định 76⁸ từ Sở Ngoại vụ của từng địa phương nên mất rất nhiều thời gian để phê duyệt.” (CS08).

- Tổ chức phải nộp báo cáo cho nhiều cơ quan quản lý khác nhau với các quy định báo cáo không rõ ràng, có nhiều cơ quan đòi hỏi báo cáo, không có biểu mẫu và có thể phải nộp nhiều lần trong năm

- Hình thức hợp tác với cơ quan Nhà nước: đang ngày càng được cải thiện khi có tới 45% NGOs và 58% Hội có mối quan hệ hợp tác thường xuyên với các cơ quan Nhà nước với các hình thức hợp tác khác nhau từ hướng dẫn hỗ trợ kỹ thuật, trao đổi thông tin và một số TCXH đã có hợp tác chính thức, thông qua việc xây dựng các văn bản hợp tác chính thức. Song đối với các CBOs thì sự hợp tác với các cơ quan nhà nước chưa thực sự phổ biến

Tuy nhiên, cũng có tổ chức cho rằng họ gặp khó khăn trong việc tiếp cận với các cơ quan nhà nước như “không hợp tác được với các trường công lập để chuyển trẻ ra học hoà nhập” (CS06). Hay có tổ chức cho biết “gặp khó khăn trong việc tiếp cận với các cơ quan ban ngành của Nhà nước”.

5.2.3. Huy động nguồn lực

- Về cơ chế cung cấp thông tin về các nguồn lực cho TCXH: có 29/65 tổ chức được cơ quan Nhà nước cung cấp thông tin về các nguồn lực, chủ yếu là các tổ chức hội khoảng 82,4% tổ chức hội có thể tiếp cận thông tin về nguồn lực trong khi con số này ở NGOs/CBOs ở mức độ khá thấp không quá 30%. Việc này thể hiện có sự phân biệt về ưu đãi về thông tin nguồn lực của cơ quan Nhà nước giữa các hội so với NGOs và CBOs. Điều này cũng được phản ánh rõ nét từ việc có tới hơn 50% tổ chức chủ yếu là NGOs và CBOs xác định việc tiếp cận thông tin về nguồn lực từ các cơ quan nhà nước là “khó tiếp cận” và “rất khó tiếp cận” trong khi chỉ có 15 trả lời là “dễ tiếp cận” và “rất dễ tiếp cận”. Nguyên nhân khó tiếp cận thông tin do nhận thức về vai trò NGOs và về năng lực tổ chức của bộ máy thừa hành còn hạn chế, các chính sách ưu đãi về thuế cho TCXH trong huy động nguồn lực, đặc biệt là huy động nguồn lực từ cá nhân và doanh nghiệp chưa quy định cụ thể hoặc chưa được thực hiện trong thực tế.

5.2.4. Thuế

Thuế là công cụ quan trọng để quản lý, song có nhiều tổ chức hiện không đăng ký thuế, đặc biệt là CBOs. Theo khảo sát, 17 trong tổng số 65 tổ chức không đăng ký mã số thuế với cơ quan thuế. Nguyên nhân được xác định chủ yếu do còn có các quan niệm các TCXH hoạt động không vì lợi nhuận nên không phải đóng thuế. Mặt khác cơ quan thuế chưa hướng dẫn cụ thể, nhiều phòng thuế NGOs không có danh mục trong bản kê khai đóng thuế hoặc cán bộ thuế coi NGOs hoạt động nhỏ lẻ không “bổ” thu thuế, do đó có khoảng 21,1% các hội không có đăng ký thuế. Điều này cho thấy khả năng hoạt động bền vững của những hội này sẽ gặp khó khăn rất nhiều trong tương lai khi các hình thức thu thuế ngày càng chặt chẽ hơn.

Miễn thuế, hoàn thuế là vấn đề lớn đối với các tổ chức phi lợi nhuận, nhất là các tổ chức nhận tiền từ các tổ chức quốc tế (các tổ chức quốc tế thường cho rằng các hoạt động phi lợi nhuận đương nhiên phải được hoàn thuế). Song trên thực tiễn việc các TCXH rất khó khăn trong việc nhận miễn giảm thuế do thủ tục giấy tờ, số lượng lại không lớn do đó có tới 50/65 tổ chức trả lời chưa bao giờ được hoàn thuế hay miễn thuế.

⁷ Nghị định 93/2009/NĐ-CP về việc ban hành quy chế quản lý và sử dụng viện trợ phi chính phủ từ nước ngoài

⁸ Quyết định số 76/2010/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Về việc tổ chức, quản lý hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam

PHẦN VI

NĂNG LỰC NỘI TẠI TỔ CHỨC

6.1. TỔNG QUAN:

Khối các TCXH tự phát triển sẽ bao gồm các TCXH hoạt động minh bạch, thực hiện trách nhiệm giải trình và được quản lý tốt. Trong phạm vi của nghiên cứu, năng lực tổ chức sẽ tập trung vào khía cạnh minh bạch giải trình dựa trên: (i) quản trị và quản lý; (ii) thực hiện chương trình; (iii) quản lý tài chính; (iv) quản lý nguồn nhân lực và (v) truyền thông và gây quỹ

6.2. CÁC PHÁT HIỆN:

6.2.1. Năng lực quản trị

- Về hệ thống quản trị tổ chức - Hội đồng quản lý hoặc Hội đồng trung tâm, Ban chấp hành (đối với Hội) sau đây được gọi chung là Hội đồng quản lý (HĐQL). Theo khảo sát, hầu hết các tổ chức đều có HĐQL với các chức năng khác nhau được quy định và bước đầu được các tổ chức tôn trọng. Đặc biệt chức năng định hướng và giám sát ngay cả các CBOs cũng có 50% các tổ chức có quy định chức năng này cho HĐQL. Tuy nhiên, chức năng bổ nhiệm cán bộ chủ chốt và hoạch định chiến lược, những chức năng có lẽ là quan trọng nhất của các hội đồng, lại chỉ được thực hiện tốt ở các NGOs (57%), trong khi ở các loại hình khác là dưới 35%: lần lượt là 35% ở hội và 27% ở CBOs/NPOs. Điều đáng lưu ý là vai trò gây quỹ của các HĐQL lại khá mờ nhạt. Việc này thể hiện rõ khi đa số HĐQL được hình thành từ nhóm sáng lập chứ không phải trên cơ sở tuyển dụng hoặc có các yếu tố cụ thể để lựa chọn các thành viên phù hợp, có đủ năng lực để quyết định các vấn đề trọng yếu của tổ chức. Trong nhiều trường hợp, các HĐQL được lập ra không có thực quyền, chỉ mang tính chất hình thức. Điều này cũng dễ hiểu vì cho đến nay chưa có văn bản pháp quy nào quy định cụ thể về HĐQL trong các NGOs. Đối với tổ chức hội tuy có quy định trong văn bản pháp lý, đó là Ban chấp hành (Ban thường vụ), song việc thực hiện vẫn mang tính chất hình thức. Với CBOs, HĐQL chỉ mang tính chất tự nguyện nên cũng chưa được coi trọng.

Một đại diện của tổ chức hội cho rằng “tổ chức có ban chấp hành, song vai trò của thành viên ban chấp hành rất mờ nhạt” (CS07)

Về chiến lược và lập kế hoạch: Theo kết quả khảo sát, chỉ có khoảng 1% trong tổng số các tổ chức tham gia khảo sát là không có kế hoạch chiến lược, còn lại đều có kế hoạch chiến lược hàng năm, 03 năm hoặc 05 năm, trong đó 50% các tổ chức xây dựng kế hoạch 05 năm hoặc hơn 05 năm cho tổ chức. Việc xây dựng kế hoạch 05 năm hay 10 năm trong thời kỳ hiện tại cần được xem xét khi môi trường cho sự phát triển của TCXH đang có nhiều cải thiện, việc cập nhật chiến lược theo cơ chế thời gian ngắn hơn như 01 năm hay 03 năm cần được xem xét và chú ý nhiều hơn để chiến lược không chỉ nằm trên giấy mà được áp dụng vào thực tiễn. Về quy trình xây dựng chiến lược, hầu hết 80% các tổ chức đều coi trọng việc xây dựng chiến lược gắn với sứ mệnh và tầm nhìn của tổ chức cũng như kinh nghiệm hoạt động của tổ chức. Việc này giúp đảm bảo kế hoạch chiến lược của tổ chức được xây dựng dựa trên sứ mệnh thay vì chạy theo các chương trình, dự án riêng lẻ. Trong số này, có tới 35 tổ chức chiếm 53% các tổ chức xây dựng kế hoạch chiến lược dựa trên các nghiên cứu nhu cầu cộng đồng và các xu hướng trong nước/quốc tế một cách bài bản. Đa phần các tổ chức này thuộc loại hình NGOs cho thấy xu hướng trở thành các tổ chức NGOs phát triển chuyên nghiệp. Về thành phần tham gia xây dựng kế hoạch chiến lược bao gồm: đa dạng các bên liên quan, đặc biệt là đối tượng hưởng lợi của tổ chức trong quá trình xây dựng kế hoạch chiến lược và 78% số tổ chức tham gia khảo sát còn chia sẻ công khai kế hoạch chiến lược tới các bên liên quan. Đây là một thực hành tốt về xây dựng kế hoạch chiến lược theo hướng đảm bảo quản trị tốt, minh bạch và trách nhiệm giải trình của các tổ chức.

- Cơ chế ra quyết định và báo cáo: Kết quả khảo sát cho thấy có tới 90% các tổ chức có quy định cụ thể về cơ chế ra quyết định, báo cáo và quy định bằng văn bản. Hơn 90% các tổ chức (62/65 tổ chức) có bản báo cáo thường niên và có thể tiếp cận được bởi nhiều bên liên quan khác nhau. Báo cáo thường niên của tổ chức chủ yếu có thể được tiếp cận bởi HĐQT, các nhân viên trong tổ chức, cơ quan chủ quản, nhà tài trợ. Chỉ có khoảng 50% các tổ chức chia sẻ báo cáo thường niên với đối tượng hưởng lợi, các đối tác hay cộng đồng nói chung và truyền thông. Ngoài ra, hơn 50% tổ chức chỉ chia sẻ báo cáo khi “được yêu cầu” thay vì chủ động công khai báo cáo. Điều này thể hiện việc báo cáo vẫn còn mang nặng tính chất hình thức và do yêu cầu của cơ quan cấp trên hoặc nhà tài trợ thay vì tự nguyện và thực hành một cách bài bản mang tính chiến lược.

6.2.2. Quản lý chương trình

- Hầu hết TCXH có kế hoạch chương trình / dự án cụ thể liên quan và hướng đến việc hiện thực hóa sứ mệnh và các mục tiêu chiến lược của tổ chức

- Các chương trình / dự án có sự tham gia của đối tượng hưởng lợi trong mọi giai đoạn quản lý chương trình / dự án, đặc biệt là khâu thực hiện. Khoảng 50% các tổ chức khảo sát tạo điều kiện cho đối tượng hưởng lợi tham gia ở mức độ cao nhất mức độ ra quyết định

- Báo cáo chương trình / dự án được xây dựng và chia sẻ với các bên liên quan chủ yếu là khi được yêu cầu thay vì chủ động và công khai

6.2.3. Quản lý nhân sự

- Có tới 90% các tổ chức được khảo sát có chính sách nhân sự đảm bảo đầy đủ nội dung cơ bản với sự tham gia và đồng thuận của các nhân viên trong tổ chức. Hơn 80% các tổ chức có các quy trình quản lý nhân sự bài bản và có kế hoạch phát triển nguồn nhân lực cho tổ chức

- Tuy nhiên, theo nhận định từ tham vấn và các khảo sát tương tự, TCXH còn gặp khá nhiều khó khăn trong việc quản lý và duy trì đội ngũ nhân sự khi nhân sự bị luân chuyển thường xuyên và buộc phải cạnh tranh nhân sự với khối doanh nghiệp để có thể có nguồn nhân lực chất lượng cao.

6.2.4. Quản lý tài chính

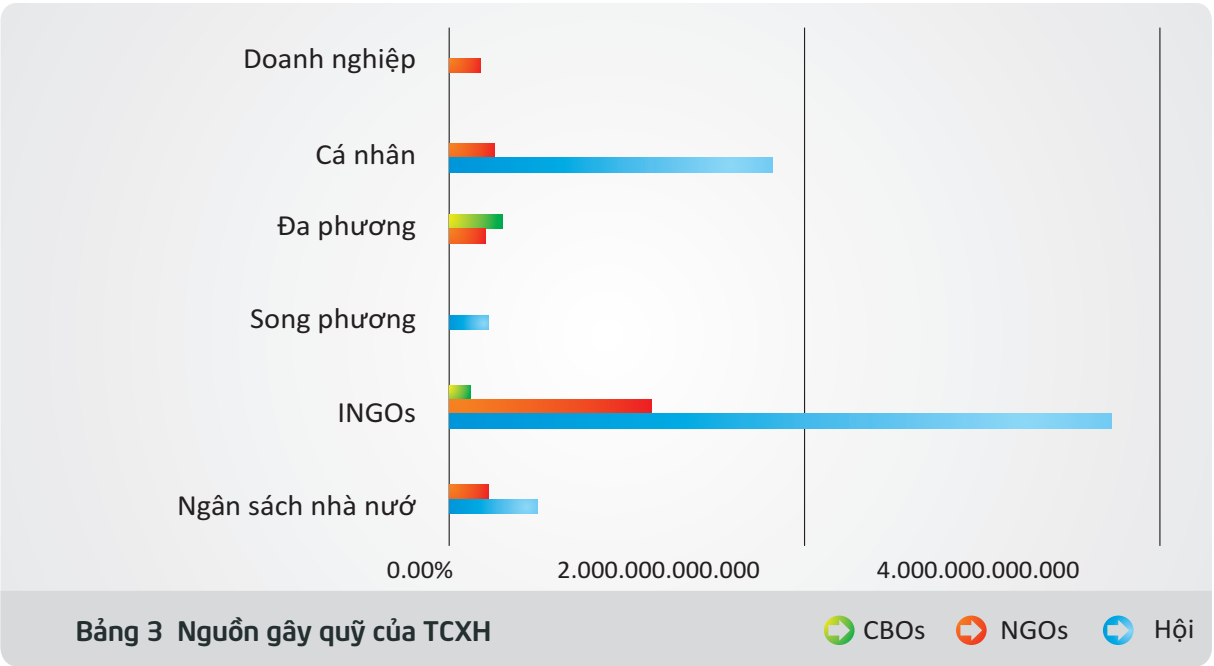
- 90% các tổ chức được khảo sát đều trả lời có các hệ thống quản lý tài chính cơ bản theo quy định của pháp luật, trên 70% TCXH có hệ thống kiểm toán nội bộ và trên 90% có báo cáo tài chính hàng năm được chia sẻ dưới nhiều hình thức khác nhau

- Tuy nhiên, theo nhận định từ tham vấn và các khảo sát tương tự, CSOs phải đối mặt với nhiều thách thức trong việc xác định chế độ tài chính - kế toán phù hợp để áp dụng vào tình hình thực tại của tổ chức. Đa phần các tổ chức sử dụng phần mềm Excel để thống kê thu chi kế toán chứ chưa sử dụng các phần mềm chuyên dụng để tăng tính hiệu quả. Trên thực tế, kiểm toán nội bộ và báo cáo tài chính chưa được thực hành thường xuyên vì còn mang tính đối phó chứ chưa được vận hành bài bản chuyên nghiệp.

6.2.5. Truyền thông và gây quỹ

- Về truyền thông: Theo kết quả khảo sát, đáng ngạc nhiên là hơn 70% tổ chức có thực hiện truyền thông tổ chức qua website, mạng xã hội như Facebook, Youtube, v.v., tờ rơi và danh mục email. Bên cạnh đó, vẫn có tới 60% các tổ chức không có kế hoạch truyền thông chủ động mà chỉ dừng lại ở việc cập nhật, cung cấp thông tin khi có sự kiện cụ thể

- Về gây quỹ: Đa phần các tổ chức dựa vào những nguồn gây quỹ truyền thống từ nhà tài trợ quốc tế thông qua viết đề xuất dự án. Chỉ có khoảng 10% các tổ chức có thể đa dạng cách thức gây quỹ, trong đó NGOs có khả năng đa dạng nguồn gây quỹ tốt hơn Hội và CBOs. Các nguồn gây quỹ chủ yếu của TCXH đến từ các tổ chức quốc tế, trong đó đa phần là do INGOs tài trợ. Tài trợ từ cá nhân cũng là một nguồn quan trọng đối với NGOs. Nhiều TCXH còn chưa tiếp cận được nguồn hỗ trợ từ doanh nghiệp.



Ngoài ra, vấn đề địa lý cũng ảnh hưởng đến sự đa dạng của các nguồn gây quỹ của tổ chức. Một tổ chức cho biết *“Gây quỹ trong nước ở cộng đồng có vùng rất khó. Doanh nghiệp mạnh ở đâu thì việc gây quỹ dễ ở đó. Ở miền Trung, doanh nghiệp ít nên việc gây quỹ từ doanh nghiệp không nhiều. Ngoài ra, gây quỹ từ các nguồn quốc tế thường là thuộc tổ chức lớn, chủ yếu ở trung ương”* (CSO)

Về việc tiếp cận nguồn lực quốc tế, nhiều tổ chức cho rằng thời gian tới khi Việt Nam trở thành một nước đạt mức thu nhập trung bình, việc tiếp cận nguồn lực quốc tế sẽ khó khăn hơn. “Việt Nam đã là nước có thu nhập trung bình, cơ hội tài trợ của nước ngoài cho các TCXH nhỏ sẽ khó hơn. Có tổ chức khi được hỏi ý kiến cho rằng: *“Chúng tôi là tổ chức có thời gian hoạt động chưa lâu nên chưa được các nhà tài trợ tiềm năng biết đến, tin tưởng và ủng hộ”* (CSO10) hoặc có tổ chức cho rằng khó khăn trong việc tiếp cận nguồn lực nước ngoài được nhận định là do chính năng lực của tổ chức: *“tổ chức chưa đủ năng lực tiếp cận các dự án tầm vĩ mô, vì ban quản trị của tổ chức chưa có vị thế ‘mạnh’”* (CSO11). Một trong những hạn chế về trình độ nhân sự của tổ chức là yếu tố gây hạn chế trong tiếp cận nguồn lực *“nguồn lực nhân sự của tổ chức chưa có nhiều kinh nghiệm và chuyên môn về việc viết các đề án xin tài trợ quốc tế. Và đội ngũ nhân sự còn thiếu khả năng tiếng Anh”* (CSO12); *“khả năng ngoại ngữ yếu, uy tín chưa cao, không có mối quan hệ”* (CSO13).

6.3. KẾT LUẬN VÀ TÓM TẮT CÁC THÁCH THỨC QUAN TRỌNG:

Từ phân tích các khía cạnh về: (i) quản trị tổ chức; (ii) quản lý chương trình; (iii) quản lý nhân sự; (iv) quản lý tài chính; và (v) truyền thông và gây quỹ ở trên có thể nhận định năng lực của TCXH tại Việt Nam đang ở mức độ khá với các thách thức chủ yếu như sau:

- Các tổ chức đã chú trọng việc phát triển dựa trên sứ mệnh, quan tâm tới việc lập kế hoạch chiến lược phát triển tổ chức và các cơ chế quản trị hiệu quả. Điều cần lưu tâm hơn là việc thực hành áp dụng kế hoạch chiến lược này trong thực tế, cập nhật thường xuyên để tăng tính hiệu quả của hoạt động tổ chức
- Hầu hết các tổ chức đều có HĐQT, tuy nhiên, các HĐQT chưa thực sự phát huy vai trò của mình trong việc hỗ trợ tổ chức đạt được các mục tiêu chiến lược và gây quỹ hiệu quả. Bên cạnh đó, vai trò trong việc giám sát, đánh giá tổ chức thực hành minh bạch và trách nhiệm giải trình cũng cần được quan tâm nhiều hơn
- TCXH quản lý chương trình / dự án khá tốt, việc đảm bảo sự tham gia của các bên liên quan, đặc biệt là đối tượng hưởng lợi cần được chú trọng hơn nữa để duy trì tính hiệu quả và tính bền vững của các chương trình / dự án
- Quản lý nhân sự và đảm bảo có đủ số lượng và chất lượng nhân sự cao là một thách thức đối với TCXH. Việc xây dựng các hệ thống quản lý và thực hành quản lý tốt, đảm bảo việc phát triển nhân viên cần được các TCXH quan tâm để có thể duy trì và tạo động lực cho đội ngũ nhân sự vận hành một cách hiệu quả
- Hệ thống quản lý tài chính phải được thực hiện theo đúng luật định với các thực hành chuẩn mực
- Truyền thông chưa được chú trọng một cách đúng mức tại các TCXH. Việc đa dạng hoá các kênh truyền thông và xây dựng kế hoạch truyền thông một cách chủ động là rất cần thiết đối với TCXH
- Sự lệ thuộc quá nhiều vào các nguồn tài trợ truyền thống từ các tổ chức phi chính phủ quốc tế (INGOs) là một thách thức đối với TCXH khi nguồn tài trợ này đang có xu hướng giảm dần. Các TCXH cần thúc đẩy hơn nữa việc đa dạng hoá các nguồn gây quỹ với kế hoạch chiến lược gây quỹ bài bản.

PHẦN VII

VAI TRÒ, HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG VÀ CÁC ĐÓNG GÓP CỦA TỔ CHỨC

7.1.TỔNG QUAN

TCXH được coi là hoạt động hiệu quả khi nó có những đóng góp đáng kể vào sự phát triển của xã hội. Nghiên cứu tập trung vào những đóng góp của TCXH thông qua khả năng hoạt động hiệu quả khi: (i) cung cấp dịch vụ cho cộng đồng và (ii) nỗ lực vận động chính sách (tư vấn phản biện và đóng góp xây dựng chính sách).

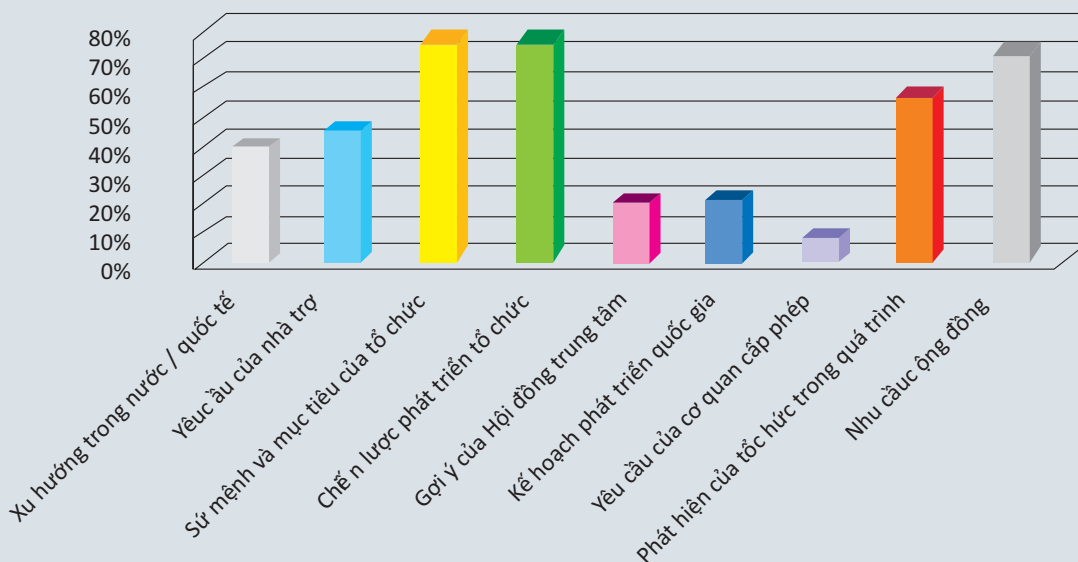
7.2. CÁC PHÁT HIỆN

7.2.1. Cung cấp dịch vụ

Với địa bàn hoạt động trải khắp cả nước, các TCXH cung cấp dịch vụ ở các địa bàn trải rộng. Khoảng 30% TCXH được khảo sát cung cấp dịch vụ ở cấp quốc gia. Trong khi CBOs chủ yếu cung cấp dịch vụ ở cấp độ cộng đồng địa phương thì Hội cung cấp dịch vụ cấp tỉnh/thành phố và trong cả nước. NGOs cung cấp dịch vụ đa dạng, trải dài khắp các địa phương trên toàn quốc.

Tương tự lĩnh vực hoạt động đa dạng đã được phân tích ở phần tổng quan, các TCXH cung cấp dịch vụ đa dạng ở nhiều lĩnh vực khác nhau, trong đó tập trung chủ yếu vào các hoạt động phổ biến kiến thức và thông tin (69%), các hoạt động phát triển (63%).

Khảo sát về cơ sở cung cấp dịch vụ của tổ chức, hầu hết các tổ chức cung cấp dịch vụ theo chiến, sứ mệnh của tổ chức và theo nhu cầu của cộng đồng. Kể đến là do yêu cầu của nhà tài trợ và xu hướng. Đây là điểm tích cực vì đa phần các tổ chức đã bắt đầu cung cấp dịch vụ dựa trên nhu cầu cộng đồng và sứ mệnh tổ chức thay vì chạy theo định hướng của tài trợ. Tuy nhiên, đáng lưu ý là các tổ chức còn chưa quan tâm đúng mức đến việc dựa vào kế hoạch phát triển quốc gia để cung cấp dịch vụ, từ đó có thể nhận được sự hỗ trợ từ Nhà nước.



Bảng 4 Căn cứ cung cấp dịch vụ của TCXH

Đánh giá về sản phẩm và chất lượng dịch vụ mà tổ chức cung cấp đáp ứng nhu cầu cộng đồng, đa phần các tổ chức (66%) được đánh giá hiện tại mới chỉ đang đáp ứng ở mức độ vừa phải chỉ khoảng 24% TCXH được hỏi cho rằng sản phẩm và chất lượng dịch vụ của mình có khả năng đáp ứng cao nhu cầu của cộng đồng, đa phần các tổ chức này là NGOs. Ngoài ra, có 03 tổ chức cho rằng sản phẩm, dịch vụ của họ chưa đáp ứng tốt nhu cầu của cộng đồng. Tuy nhiên, với việc khảo sát về mức độ hài lòng của đối tượng hưởng lợi về sản phẩm dịch vụ của tổ chức, 96% TCXH cho rằng đối tượng hưởng lợi đánh giá cao (“Tốt” hoặc “Rất tốt”) sản phẩm và chất lượng dịch vụ của tổ chức. Nhận định này dựa trên các đánh giá của tổ chức, của nhà tài trợ và phản hồi của đối tượng hưởng lợi.

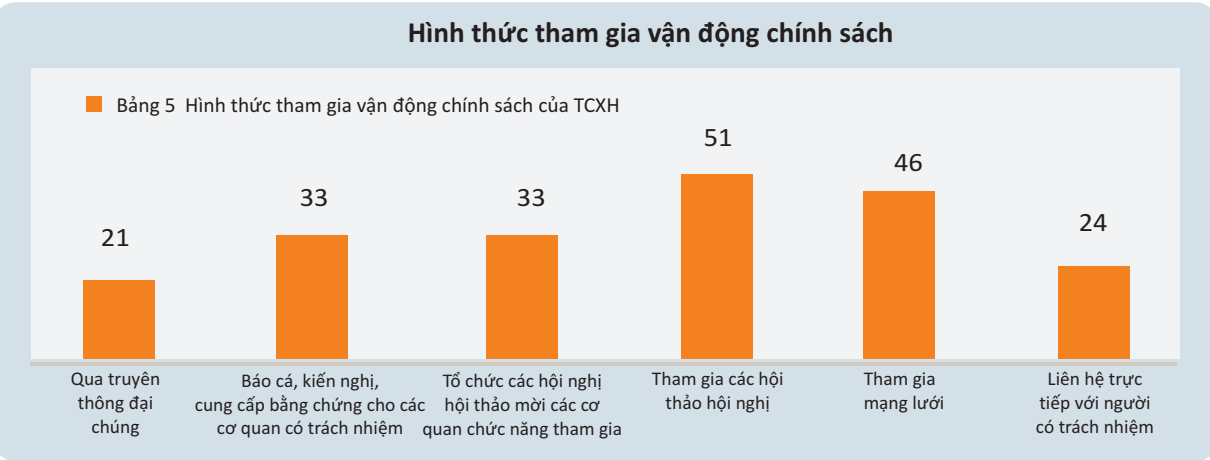
Về đánh giá của cơ quan Nhà nước/chính quyền liên quan, hầu hết (51/65) các tổ chức đều cho rằng sản phẩm, chất lượng dịch vụ của họ được các cơ quan Nhà nước đánh giá khá cao. Trong đó có có rất nhiều tổ chức nhận được bằng khen (41%) hoặc thư cảm ơn (27%) và 50% các tổ chức được các cơ quan nhà nước đề cập đến thành tích trong nhiều sự kiện hội nghị, hội thảo, v.v. Đây là một tín hiệu đáng mừng khi các cơ quan Nhà nước đã nhìn nhận và đánh giá cao chất lượng dịch vụ của TCXH.

Với chất lượng dịch vụ đa dạng, được đánh giá cao bởi đối tượng hưởng lợi và các cơ quan Nhà nước, 50% các tổ chức được hỏi có hoạt động nhằm nhân rộng mô hình sản phẩm, dịch vụ của tổ chức; bên cạnh đó, có 12% các tổ chức có mô hình được Nhà nước công nhận và nhân rộng, còn lại đa phần do tổ chức tự nhân rộng (63%) hoặc tổ chức đối tác nhân rộng 23%.

7.2.2. Vận động và đóng góp xây dựng chính sách

Vận động chính sách là một chức năng quan trọng của TCXH; tuy nhiên, theo kết quả khảo sát, mới chỉ có 50% (33 tổ chức) thường xuyên tham gia vận động và đóng góp xây dựng chính sách, còn lại thỉnh thoảng mới tham gia và có 10% các tổ chức hoàn toàn không tham gia các hoạt động vận động và đóng góp xây dựng chính sách. Các tổ chức thường xuyên tham gia vận động chính sách đa phần là hội với gần 70% các hội thường xuyên tham gia vận động chính sách trong khi con số này ở NGOs là 50% và chỉ có 30% CBOs là thường xuyên tham gia vận động chính sách.

Hình thức tham gia vận động và đóng góp xây dựng chính sách của tổ chức rất đa dạng, chủ yếu là chủ động tham gia các chương trình/dự án vận động và đóng góp xây dựng chính sách, có tới 44% các tổ chức có khả năng phối hợp với các cơ quan Nhà nước xây dựng luật/chính sách và 30% các tổ chức điều hành các chiến dịch/ hoạt động vận động chính sách. Hình thức tham gia vận động và đóng góp xây dựng chính sách rất đa dạng, chủ yếu vẫn tập trung vào hình thức truyền thống là tham gia các hội nghị / hội thảo và đề xuất ý kiến. Việc phối hợp mạng lưới cũng đã và đang được quan tâm và đẩy mạnh.



Những hoạt động vận động và đóng góp xây dựng chính sách của tổ chức được thực hiện với quy mô đa dạng, chủ yếu ở cấp tỉnh/thành phố và cấp quốc gia. Đặc biệt, khoảng 20% các tổ chức được hỏi đã và đang tham gia vận động chính sách ở cấp độ quốc tế và 13% tham gia vận động chính sách ở phạm vi toàn cầu.

Với các phân tích trên, việc tham gia vận động và đóng góp xây dựng chính sách của các tổ chức tương đối sôi nổi, và có tới 50% tổ chức nhận được phản hồi tích cực từ phía các cơ quan chức năng hoặc được mời tham gia ở nhiều vai trò khác nhau. Tuy nhiên, vẫn còn khá nhiều trường hợp tổ chức chỉ nhận được phản hồi là rằng các cơ quan chức năng đã nhận khuyến nghị và 10% thậm chí không nhận được phản hồi gì.

Về mối quan hệ với các cơ quan Nhà nước, 41.5% tổ chức có mối liên hệ ổn định và 52,3% tổ chức có mối quan hệ tốt đến rất tốt với các cơ quan Nhà nước trong việc vận động chính sách.

Có tới 78% tổ chức tham gia vào các mạng lưới để vận động chính sách, 67% tổ chức cho rằng hoạt động vận động chính sách của mạng lưới là rất tốt. Đặc biệt, 61% các tổ chức giữ vai trò điều phối hoặc thành viên nòng cốt của mạng lưới vận động chính sách. 43% tổ chức cho biết họ đã thành công trong hoạt động vận động chính sách.

Nhận xét về thuận lợi và khó khăn của tổ chức khi tham gia vận động và đóng góp xây dựng chính sách, những điểm thuận lợi chủ yếu là do TCXH tập trung vào các vấn đề được cộng đồng quan tâm, huy động được nhiều tổ chức và các bên liên quan tham gia cũng như có mối quan hệ tốt với cơ quan chức năng với nhiều bằng chứng vận động chính sách rõ ràng và cụ thể. Khó khăn chủ yếu được đề cập liên quan đến khung pháp lý chưa rõ ràng đối với sự tham gia của TCXH và khó khăn trong việc huy động nguồn lực để vận động chính sách.

Tập trung vào việc vận động chính sách cho môi trường phát triển thuận lợi của TCXH, 23% chưa tham gia, còn lại đa phần tích cực tham gia vận động các chính sách khác nhau, trong đó 49% tổ chức quan tâm tới Luật về Hội và 34.5% tổ chức quan tâm về Luật tiếp cận thông tin.

*“Các ý kiến của tổ chức đã được thể hiện trong các khuyến nghị của các cơ chế nhân quyền gửi tới Nhà nước, một số khuyến nghị của tổ chức đã được cơ quan soạn thảo luật trong nước xem xét và sửa đổi trong dự thảo” (CSO) hay “Đề xuất xây dựng Luật trọng tài thương mại và đã được Quốc hội chấp thuận” (CSO)
Tuy nhiên, việc thực thi pháp luật, theo một số tổ chức vẫn cần phải thúc đẩy thêm. Một tổ chức cho biết bản thân tổ chức “không được hưởng bất cứ sự hỗ trợ nào theo Luật Người Khuyết tật: tổ chức của và vì người khuyết tật” (CSO5)*

7.3. KẾT LUẬN

Các TCXH bước đầu đã có những đóng góp quan trọng thông qua việc cung ứng dịch vụ và vận động chính sách. Dịch vụ của TCXH thường đáp ứng tốt nhu cầu và được tiếp nhận, đánh giá tốt bởi cộng đồng thụ hưởng. Điều này nằm trong thế mạnh “gần dân” và “hiểu dân” của TCXH. Các dịch vụ của TCXH bước đầu đã được ghi nhận bởi các bên liên quan. Tổ chức có mô hình dịch vụ được nhân rộng bởi tổ chức hoặc các TCXH khác, một số đã được Nhà nước công nhận và nhân rộng. Về vận động chính sách, đa phần TCXH đã chủ động tham gia vận động và đóng góp xây dựng chính sách, một số chủ động phối hợp với các cơ quan chức năng để tham gia một cách hiệu quả hơn, ở cả cấp quốc gia và quốc tế.

PHẦN VIII

KẾT LUẬN VÀ KHUYẾN NGHỊ

8.1. KẾT LUẬN

Qua khảo sát, tuy còn những hạn chế, chúng ta vẫn có thể hình dung được bức tranh tổng quan về khả năng tự phát triển của các TCXH Việt Nam trong năm 2015. Một số phát hiện chính như sau:

8.1.1. Khảo sát cho thấy bức tranh tổng thể các TCXH có sự phát triển nhanh về số lượng và đa dạng về loại hình. Đặc biệt, với sự hình thành và phát triển của CBOs dưới hình thức đa dạng như: các tổ chức tình nguyện, các tổ chức từ thiện, tổ chức tự lực của các nhóm dễ bị tổn thương, các nhóm bị kỳ thị, v.v. tại khắp 03 miền Bắc - Trung - Nam đã góp phần làm sôi động bức tranh của TCXH tại Việt Nam. Tuy nhiên, với việc chưa được thừa nhận và quy định trong khung pháp lý, CBOs gặp nhiều khó khăn và thiệt thòi hơn so với các Hội và NGOs trong mọi khía cạnh của thành lập, hoạt động, huy động nguồn lực và phát triển.

8.1.2. Môi trường pháp lý cho sự phát triển của TCXH hiện tại chưa đáp ứng được nhu cầu phát triển nhanh và đa dạng của TCXH. Như đề cập ở trên, CBOs chưa có khung pháp lý để hỗ trợ thành lập và hoạt động hiệu quả. Đối với Hội và NGOs, Hội có phần nhận được nhiều ưu đãi hơn NGOs; tuy nhiên, cả hai loại hình này vẫn còn gặp khó khăn trong quá trình thành lập khi quy định thành lập còn phức tạp, ít sự lựa chọn và mất nhiều thời gian. Thêm vào đó, khung pháp lý cho việc hoạt động và huy động nguồn lực cũng còn hạn chế. Việc phê duyệt chương trình / dự án và các báo cáo chống chéo tới nhiều cơ quan khác nhau khiến các tổ chức khó khăn trong hoạt động, tiếp cận và huy động các nguồn lực. Ngoài ra, TCXH cũng chưa nhận được những ưu đãi về thuế.

8.1.3. Về năng lực tự phát triển, TCXH bắt đầu phát triển hiệu quả khi biết phát triển dựa trên sứ mệnh, chiến lược và xây dựng cơ chế quản trị hiệu quả; chú trọng thực hiện quản lý nhân sự, tài chính, truyền thông gây quỹ. Tuy nhiên, các tổ chức vẫn còn gặp nhiều thách thức trong quá trình xây dựng năng lực tổ chức thành các tổ chức chuyên nghiệp, quản trị tốt, thực hành tốt minh bạch và trách nhiệm giải trình, đặc biệt trong vấn đề xây dựng HĐQT hoạt động hiệu quả, quản lý tốt nhân sự với nhân sự ổn định, chất lượng cao, truyền thông hiệu quả và đa dạng nguồn gây quỹ giúp tổ chức bền vững về tài chính.

8.1.4. Tuy còn hạn chế về môi trường pháp lý và năng lực ở mức trên cơ bản, nhưng với nỗ lực không ngừng nghỉ, theo tự đánh giá, TCXH vẫn đạt được hiệu quả hoạt động cũng như vận động và đóng góp xây dựng chính sách. Thách thức chủ yếu với TCXH trong vấn đề này là cải thiện và quản lý chất lượng sản phẩm dịch vụ để cung cấp dịch vụ một cách chuyên nghiệp hiệu quả, đáp ứng được đúng nhu cầu cộng đồng và sát với chiến lược phát triển của đất nước. Thêm vào đó, việc vận động chính sách được thực hiện một cách bài bản và có sự phối hợp chặt chẽ với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

8.2. KHUYẾN NGHỊ

8.2.1. Khuyến nghị cụ thể đối với TCXH để cải thiện năng lực tự phát triển của TCXH

8.2.1.1. Tiếp tục nỗ lực vận động và đóng góp xây dựng chính sách nhằm đảm bảo môi trường pháp lý thuận lợi hơn cho sự phát triển của TCXH. Cụ thể, tích cực và chủ động tham gia vận động chính sách cho các chính sách căn bản sẽ đang được xây dựng liên quan tới môi trường pháp lý cho TCXH bao gồm:

- Luật về Hội: Hiện Luật về Hội đang được trình lên Quốc hội vào kỳ họp thứ 10, Quốc hội khoá XIII và dự kiến sẽ được thông qua vào giữa năm 2016. TCXH cần chủ động phối hợp với Ban soạn thảo và các Ủy ban của Quốc hội để tích cực tham vấn, thu thập bằng chứng và vận động nhằm cải thiện môi trường pháp lý về thành lập, hoạt động, huy động nguồn lực và thuế cho TCXH từ năm 2016.
- Nghị định 93/2009/NĐ-CP về quản lý và sử dụng viện trợ phi chính phủ nước ngoài và Nghị định 38/2013/NĐ-CP về quản lý và sử dụng nguồn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và nguồn vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ đang được Bộ kế hoạch và Đầu tư tiến hành xem xét sửa đổi và đệ trình Chính phủ phê duyệt vào đầu năm 2016. TCXH cần theo sát quá trình và chủ động phối hợp chặt chẽ với Bộ kế hoạch và đầu tư và các cơ quan chức năng liên quan để tư vấn, phản biện chính sách một cách hiệu quả, tháo gỡ các khó khăn của TCXH trong quá trình huy động, tiếp nhận và phê duyệt các dự án viện trợ phi chính phủ nước ngoài và ODA vốn là nguồn ngân sách chính của NGOs và CBOs.

8.2.1.2. Tăng cường năng lực của TCXH và hiệu quả hoạt động thông qua việc thúc đẩy quản trị tốt, thực hành tốt minh bạch và trách nhiệm giải trình trên cả 05 lĩnh vực: (i) quản trị tổ chức; (ii) quản lý chương trình; (iii) quản lý nhân sự, (iv) quản lý tài chính; và (v) truyền thông và gây quỹ.

Một số lưu ý cơ bản cụ thể như sau:

- Cần phát huy và thúc đẩy vai trò của HĐQT nhằm đảm bảo tính giám sát, định hướng và huy động nguồn lực hiệu quả cho TCXH
- Xây dựng chiến lược phát triển tổ chức dựa trên sứ mệnh, chiến lược được cập nhật thường xuyên và thực hành trong thực tế với giám sát và đánh giá bài bản
- Các chương trình/ dự án, dịch vụ cung cấp của tổ chức nên có mối liên hệ chặt chẽ với các chương trình và kế hoạch phát triển quốc gia và quốc tế (ví dụ như Các mục tiêu phát triển bền vững sau năm 2015) để đảm bảo hiệu quả hoạt động và đóng góp của tổ chức cho đất nước và quốc tế
- Thúc đẩy liên kết, tăng cường học hỏi để thúc đẩy các thực hành tốt về minh bạch và trách nhiệm giải trình

8.2.2. Khuyến nghị cụ thể với các cơ quan quản lý nhà nước để hỗ trợ tăng cường năng lực tự phát triển cho TCXH

Luật về Hội: Việt Nam đang tiến hành xây dựng Luật về Hội. Đây là văn bản quan trọng ảnh hưởng tới môi trường pháp lý cho sự phát triển của các TCXH; do đó, những khuyến nghị sau tập trung chủ yếu vào các yếu tố sau đây:

- Luật về Hội nên tạo điều kiện và đảm bảo cho người dân thực hiện quyền lập hội, bao gồm: hội đăng ký và không đăng ký (các tổ chức dựa vào cộng đồng). Mặt khác để thực hiện quản lý Nhà nước và hướng các hội hoạt động đóng góp cho sự phát triển nên đưa ra cụ thể các lĩnh vực mà TCXH không được thành lập và hoạt động ngay sau điều luật thừa nhận quyền tự do lập hội của công dân.
- Luật nên điều chỉnh cả hội và tổ chức phi chính phủ để đáp ứng quyền lập hội của công dân theo Hiến pháp 2013. Do đó, nên có điều khái niệm rõ hơn về hội và tổ chức phi chính phủ cho phù hợp với vai trò thực tiễn của các loại hình này đang đóng góp cho xã hội, đồng thời nêu nguyên tắc tổ chức hoạt động của các loại hình này
- Quy định thủ tục thành lập TCXH cần đơn giản, bỏ quy định về thành lập Ban vận động, rút ngắn thời gian đăng ký thành lập, mẫu biểu hóa hồ sơ thành lập (đơn đăng ký, điều lệ...). Việc đăng ký nên được thực hiện một cửa như các doanh nghiệp. Không nên quy định: "Lĩnh vực hoạt động chính không trùng lặp với lĩnh vực hoạt động chính của hội đã được thành lập hợp pháp trước đó trong cùng phạm vi hoạt động" vì nếu giữ quy định này về thực chất hạn chế việc lập hội và làm cho tổ chức thành lập trước đó độc quyền
- Quản lý Nhà nước đối với TCXH nên tập trung vào một cơ quan, điều này giúp thống nhất trong cơ chế, chính sách chung cho TCXH, mặt khác để tăng cường trách nhiệm theo dõi, giám sát hoạt động, khắc phục tình trạng đùn đẩy trách nhiệm như hiện nay. Mặt khác nên có quy định về quan hệ giữa các cơ quan Nhà nước với các TCXH là quan hệ đối tác, bình đẳng vì sự phát triển
- Nhà nước có chính sách chuyển giao dịch vụ công cho TCXH: hàng năm Nhà nước có chương trình để cho các TCXH tham gia thông qua việc giao nhiệm vụ hoặc đấu thầu bình đẳng. Hơn nữa, nên có quy định tạo điều kiện để các TCXH huy động được nhiều nguồn lực từ xã hội cũng như cộng đồng quốc tế, cần xem xét lại một số quy định về nhận tài trợ quốc tế và ODA không hoàn lại theo hướng cởi mở hơn
- Nên có chính sách thuế phù hợp: Đối với các hoạt động không vì lợi nhuận; nên có chính sách miễn giảm thuế, hoàn thuế, đặc biệt các hoạt động từ thiện nhân đạo, cứu trợ khẩn cấp để các tổ chức phát huy khả năng huy động nguồn lực trong xã hội. Nhà nước nên có chính sách thuế ưu đãi đối với các nhà tài trợ hỗ trợ cho các hoạt động phi lợi nhuận như: nếu hỗ trợ cho các hoạt động phi lợi nhuận thì được tính vào chi phí sản xuất...
- Nghiên cứu và quy định cơ cấu tổ chức để đề cao tính tự nguyện, tự chủ, tự quản và thực hiện minh bạch và giải trình
- Tạo điều kiện cho các tổ chức tham gia đóng góp xây dựng, giám sát chính sách
- Nghiên cứu xây dựng chương trình đào tạo phát triển các TCXH như chương trình đào tạo phát triển doanh nghiệp

8.2.3. Kiến nghị cụ thể với các đối tác phát triển trong việc hỗ trợ tăng cường năng lực tự phát triển của TCXH

8.2.3.1. Nghiên cứu nhu cầu phát triển của TCXH để xây dựng các chương trình hỗ trợ phù hợp về

nâng cao năng lực và huy động nguồn lực phù hợp

- Các chương trình hỗ trợ cần được tham vấn theo nhu cầu của TCXH, thông tin công khai, rộng rãi cho TCXH có thể tiếp cận hiệu quả thông qua nhiều kênh khác nhau như website, diễn đàn, hội thảo, truyền thông và thông tin trực tiếp cho TCXH

- Hỗ trợ và chuyển giao các mô hình, kinh nghiệm quốc tế và tri thức về cung cấp dịch vụ và vận động chính sách hiệu quả cho TCXH

- Xây dựng các chương trình cụ thể tập trung vào đầu tư nâng cao năng lực cho TCXH dựa trên các đánh giá nhu cầu và đánh giá năng lực bài bản. Các chương trình đầu tư hỗ trợ cho khối TCXH, bao gồm các hỗ trợ kỹ thuật và tài chính công bằng, không phân biệt đối xử đối với các TCXH, bao gồm cả các TCXH mới thành lập và CBOs. Có các nguồn đầu tư hỗ trợ cho cơ bản (core funding) cho các tổ chức phát triển dựa trên sứ mệnh và độc lập hiệu quả

8.2.3.2. Định hướng, hỗ trợ tài chính và kỹ thuật cho TCXH phát triển phù hợp theo xu hướng và đóng góp cho các phong trào, chương trình quốc tế/toàn cầu

Các Mục tiêu phát triển bền vững (SDGs) là bộ những mục tiêu toàn cầu mới nhằm chấm dứt nghèo đói toàn cầu được Liên Hiệp Quốc thông qua vào tháng 09 năm 2015 và được thực hiện tới năm 2030. Mục tiêu thứ 17 của SDGs là thiết lập các mối quan hệ hợp tác nhằm đạt được các mục tiêu. Thế giới ngày nay là một thế giới phẳng. Do vậy, để tạo điều kiện cho TCXH có thể hội nhập sâu rộng vào quá trình phát triển toàn cầu, các đối tác phát triển có thể hỗ trợ VCSOs ở những lĩnh vực sau:

- Tăng cường năng lực và khả năng tiếp cận công nghệ thông tin cho các TCXH, đặc biệt với các TCXH hoạt động tại những khu vực vùng sâu vùng xa, nông thôn còn khó khăn trong việc tiếp cận thông tin. Điều này nhằm góp phần thúc đẩy việc trao đổi thông tin, ý tưởng và học hỏi lẫn nhau, đồng thời khuyến khích những sáng kiến cho các vấn đề cộng đồng phù hợp với phong tục, tập quán, văn hoá ở từng vùng địa lý, từng địa phương

- Tăng cường sự kết nối, tạo môi trường thúc đẩy minh bạch giải trình giữa các bên dựa trên nguyên tắc sở hữu, đối tác công bằng và tôn trọng những khác biệt trong văn hoá

- Tăng cường sự giao lưu, hợp tác, phối hợp giữa khối TCXH tại Việt Nam và khối TCXH tại các nước trên thế giới nhằm học hỏi, giao lưu và thúc đẩy tình đoàn kết hữu nghị toàn cầu được nêu trong SDGs

- Đảm bảo sự tham gia và đóng góp của TCXH trong các chương trình phát triển tại Việt Nam